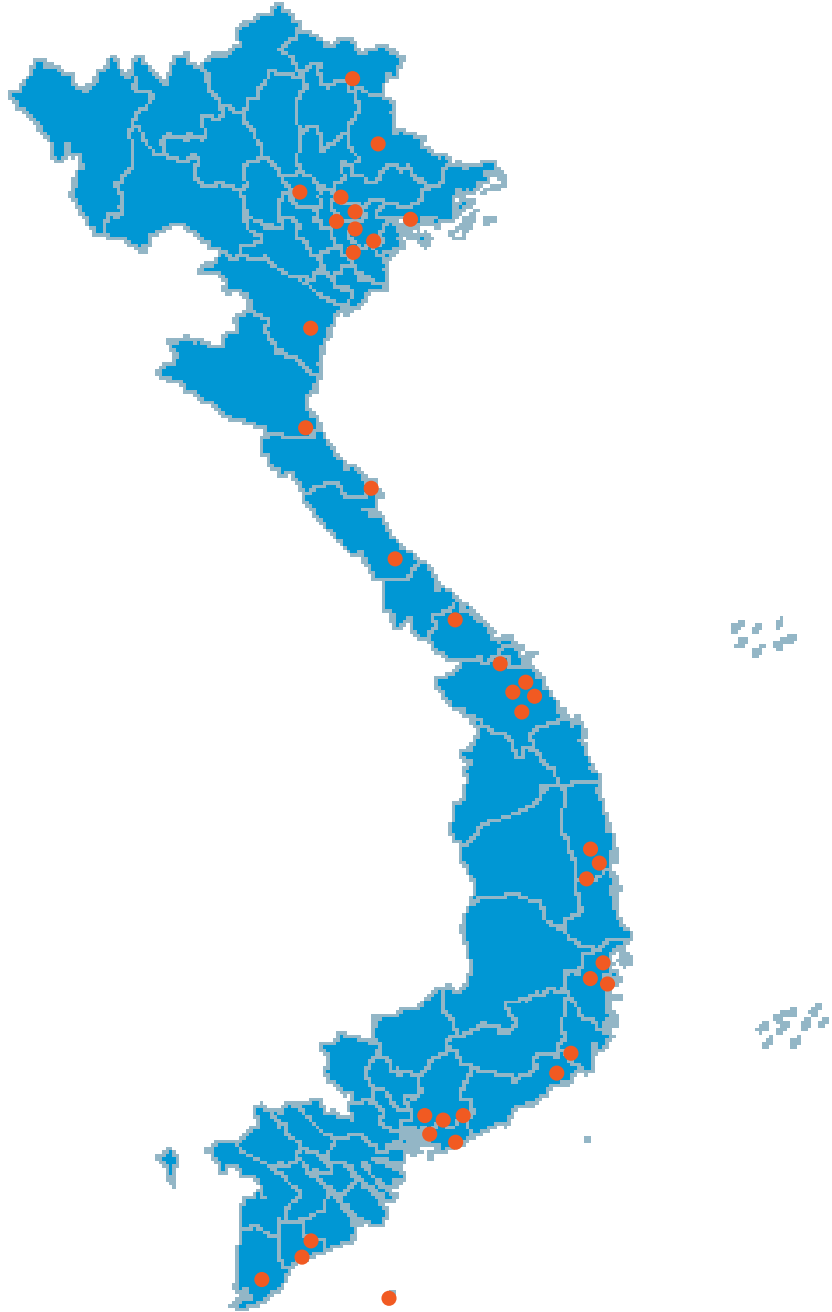




TỐC ĐỘ - GIÁ TRỊ - MINH BẠCH

HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2018

NỘI DUNG

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

- Thông tin khái quát
- Các sản phẩm tiêu biểu
- Tóm tắt kết quả kinh doanh năm 2018
- Một số thông tin tài chính cơ bản
- Thông điệp của Hội đồng quản trị



PHẦN 1

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- Quá trình hình thành và phát triển

PHẦN 2

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Nhân sự và chính sách cho người lao động
- Cơ cấu bộ máy quản lý
- Quản trị theo giá trị
- Các công ty con và công ty liên kết

PHẦN 3

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Năng lực cốt lõi
- Chiến lược và kế hoạch kinh doanh
- Quản trị rủi ro

PHẦN 4

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

PHẦN 5

CÁC BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ

- Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành
- Đánh giá của Hội đồng Quản trị

PHẦN 6

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- Hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

PHẦN 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2018

- Ý kiến của Kiểm toán
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán



Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Thông tin khái quát.....	5
Các sản phẩm tiêu biểu.....	7
Tóm tắt kết quả kinh doanh năm 2018.....	9
Một số thông tin tài chính cơ bản.....	10
Thông điệp của HĐQT.....	11

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

Mã chứng khoán: TTF

Tên tiếng Anh: TRUONG THANH FURNITURE CORPORATION

Tên viết tắt: TTF

Giấy phép kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 18/08/2003, thay đổi gần nhất lần thứ 20 ngày 18/01/2018.

Vốn điều lệ: **2.146.078.400.000 đồng**

(Hai nghìn một trăm bốn mươi sáu tỷ không trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng)



Tổng quan nhà máy chính Gỗ Trường Thành

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa biết phân vào đâu;
- Xây dựng các loại nhà;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Logo của Công ty:



Trụ sở chính: Đường ĐT 747, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: (84-274) 364 2004

Fax: (84-274) 364 2006

Email: truongthanh@truongthanh.com

Website: <http://www.truongthanh.com>

SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



SẢN PHẨM VÁN SÀN



SẢN PHẨM CỬA GỖ



SẢN PHẨM DÀNH CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT



TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

DOANH THU HỢP NHẤT

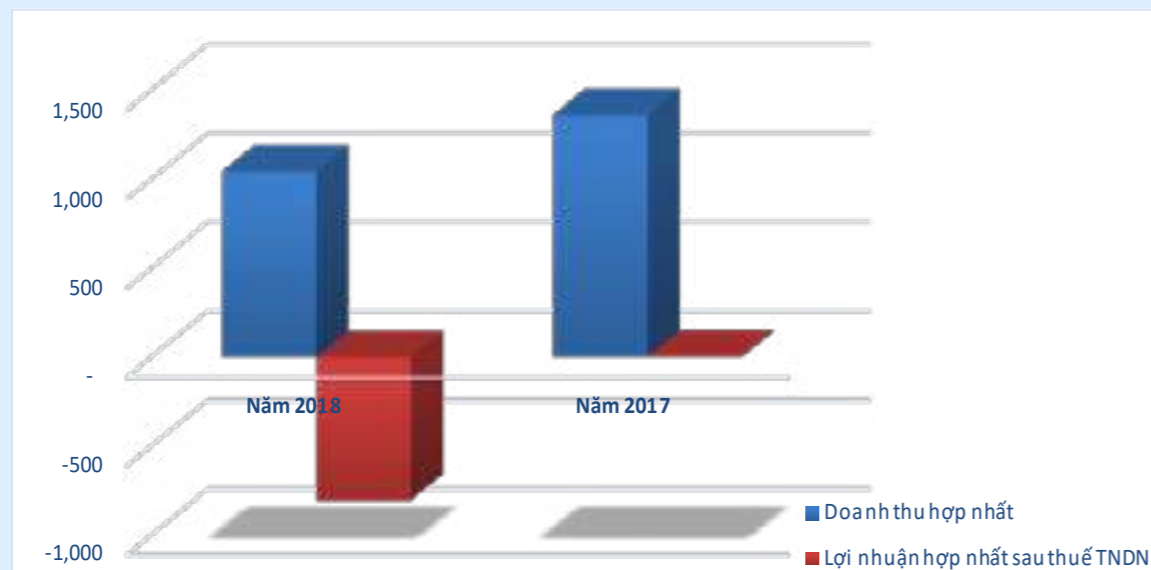
1,045,253,381,856 VNĐ

Giảm 23,35% so với năm 2017

LỢI NHUẬN HỢP NHẤT SAU THUẾ TNDN

- 804,700,213,026 VNĐ

Lợi nhuận âm do xử lý hàng tồn kho và nợ phải thu khó đòi



THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

A. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đvt: triệu vnd

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018
1	Tổng tài sản	3.585.116	4.166.485	2.780.185
2	Doanh thu thuần	643.016	1.363.399	1.044.950
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(441.896)	17.025	(950.176)
4	Lợi nhuận khác	(603)	(14.556)	145.476
5	Lợi nhuận trước thuế	(442.498)	2.470	(804.700)
6	Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông TTF (đã trừ đi lợi ích cổ đông thiểu số)	(418.580)	10.737	(715.162)

B. Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,01
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,49
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	99,3%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	14003,2%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Giá vốn hàng bán/HTK bình quân	Vòng	1,09
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,30
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	(77,0%)
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	(4082,1%)
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	(28,9%)
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	(90,9%)
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần		
+ Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS)	Đồng/cp	(3.333)

**THÔNGIỆP
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Kính thưa Quý Cổ đông,
Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành, tôi xin gửi đến Quý Cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!**

Thưa Quý cổ đông,

Năm 2018 là cột mốc thời gian quan trọng với ngành chế biến gỗ và xuất khẩu lâm sản bởi môi trường kinh doanh có nhiều thay đổi. Chưa bao giờ, ngành gỗ Việt Nam đạt thành tích ấn tượng như năm 2018 dù đây là năm thị trường thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Trong năm 2018 tốc độ tăng trưởng xuất khẩu gỗ và các sản phẩm đồ gỗ tăng rất mạnh đạt hơn 9 tỷ đô la, đứng thứ 5 thế giới, thứ 2 tại châu Á, chiếm khoảng 6-7% thị phần thế giới.

Một sự kiện có sức ảnh hưởng lớn đến ngành gỗ Việt Nam trong năm 2018 không thể không nhắc tới là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Mỹ

áp thuế 25% với các sản phẩm gỗ của Trung Quốc nên rất nhiều tập đoàn lớn của Mỹ để ý đến Việt Nam và muốn dịch chuyển nhà máy từ Trung Quốc sang Việt Nam, dần dần biến Việt Nam thành trung tâm sản xuất đồ gỗ của thế giới.

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế Việt Nam, năm 2018 với Gỗ Trường Thành là năm bàn đạp để công ty xử lý triệt để các khó khăn trong quá khứ như: *Thu gọn mô hình từ 14 đơn vị còn 10 đơn vị thông qua việc giải thể các công ty con; giải phóng khối lượng gỗ không đủ phẩm cấp thông qua việc thanh lý hàng tồn kho; Xử lý phần lớn các khoản nợ ngân hàng nhằm thoát khỏi danh sách nợ xấu để công ty có thể huy động vốn vay từ các ngân hàng thương mại; trích lập dự phòng hàng tồn kho và các khoản phải thu khó đòi nhằm minh bạch số liệu tài chính; Hoạt động M&A tăng vốn với Sứ Thiên Thanh làm cơ sở giải quyết “điểm đen” trong quá khứ và nâng cao năng lực cạnh tranh đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.*

Song song với hoạt động tái cơ cấu, ban lãnh đạo đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm khách hàng xuất khẩu Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản tiềm năng trong tương lai; cân bằng tỉ trọng doanh thu và giảm dần lệ thuộc vào đơn hàng VinGroup. Bên cạnh đó, hoạt động quản trị doanh nghiệp được tiến hành mạnh mẽ với việc thay đổi toàn diện cơ cấu nhân sự, đưa hệ thống SAP-ERP vào vận hành đầy đủ các hạng mục quản lý nguồn lực.

2019 HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Với những điều đã và đang làm, Gỗ Trường Thành tự tin năm 2019 sẽ năm khởi đầu cho trang sử mới của Gỗ Trường Thành.

Và **“Chúng tôi muốn Gỗ Trường Thành trở thành công ty nội thất đầu tiên của Việt Nam đạt giá trị tỷ USD trong 10 năm tới”** Đó là sứ mệnh, thông điệp Gỗ Trường Thành đề ra cho toàn thể cán bộ nhân viên.

Thưa Quý Cổ đông,

Để đạt được mục tiêu đó, không thể thiếu sự đồng hành tin tưởng của Quý cổ đông, đối tác, khách hàng cũng như sự đồng lòng, quyết tâm cao nhất của toàn thể Ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, đối tác, khách hàng đã ủng hộ TTF trong thời gian qua và mong muốn tiếp tục nhận được nhiều hơn sự tin yêu của tất cả trong thời gian tới.

Kính chúc Quý Cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn



Thay mặt HĐQT
CHỦ TỊCH HĐQT

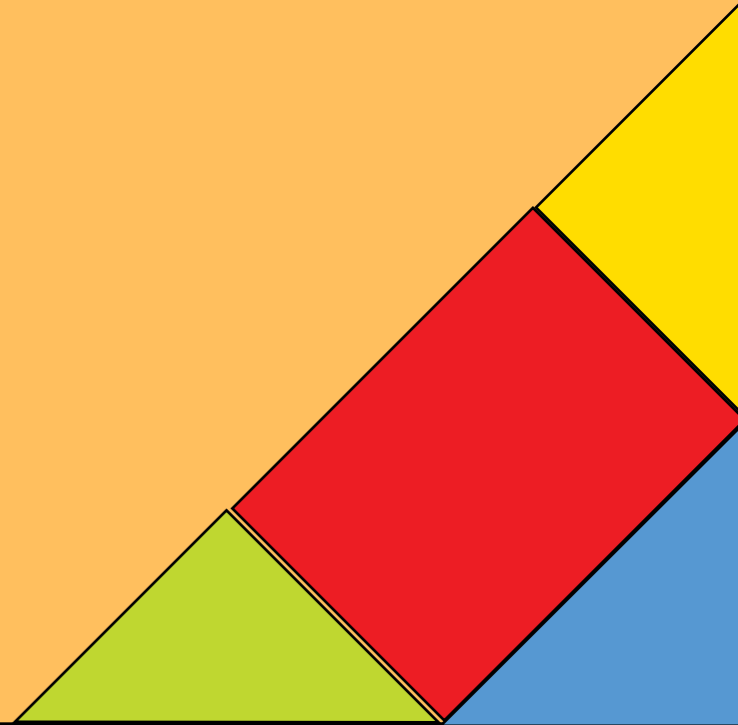
HỒ ANH DŨNG





Phần 1 Giới thiệu công ty

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi.....	15
Quá trình hình thành và phát triển	17



1. 1. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

A. Tầm nhìn

- Duy trì vị thế dẫn đầu ngành chế biến gỗ của Việt Nam và trở thành doanh nghiệp đồ gỗ hàng đầu trong khu vực trong 10 năm tới;
- Duy trì thương hiệu đứng đầu trong lĩnh vực cung cấp sản phẩm gỗ tại thị trường nội địa;
- Trở thành nhà cung cấp nội thất tổng thể hàng đầu trong nước và thế giới;

B. Sứ mệnh

- Luôn gia tăng sự thỏa mãn của khách hàng theo các tiêu chí đã đề ra: *giá cả cạnh tranh, giao hàng đúng hẹn, chất lượng đúng thỏa thuận, luôn cải tiến – sáng tạo và phục vụ tốt nhất*;
- Mang đến cho cuộc sống những sản phẩm gỗ đẹp mắt, tiện dụng, an toàn, làm cho người sử dụng cảm thấy thoải mái, hạnh phúc và tự tin hơn;
- Tạo môi trường làm việc thật khoẻ khoắn và sáng tạo, tôn trọng và vui vẻ, mà trong đó công sức của CBCNV luôn được đền đáp công bằng và xứng đáng; đồng thời, CBCNV được khuyến khích luôn tôn trọng khách hàng cũng như chất lượng sản phẩm của Công ty. Thường xuyên mang đến cho những CBCNV có năng lực, nhiệt tình, thâm niên những cơ hội trở thành người chủ thật sự của Công ty thông qua các chương trình ESOP. Luôn chú trọng công tác đào tạo - huấn luyện để giúp người lao động có đủ tự tin và năng lực, nhằm nâng cao hiệu suất làm việc và đủ khả năng đảm trách những vị trí quan trọng hơn;

C. Giá trị cốt lõi

Tốc độ

Với cùng nhu cầu của khách hàng, **tốc độ** đáp ứng của Gỗ Trường Thành **phải nhanh hơn**

Giá trị

Với cùng giá mà khách hàng phải trả, **giá trị** Gỗ Trường Thành mang lại **phải lớn hơn**

Minh bạch

Gỗ Trường Thành là công ty **minh bạch** trong mọi thứ

1.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH - PHÁT TRIỂN

Năm 1993: Thành lập nhà máy đầu tiên tại Dak Lak, với chỉ 30 công nhân.

Năm 2000: Mua lại nhà máy VINAPRIMART của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tiên của tỉnh Bình Dương, chuyên sản xuất dũa gỗ, để chuyển thành nhà máy chế biến ván sàn và đồ gia dụng nội – ngoại thất bằng gỗ cho thị trường xuất khẩu.

Năm 2002: Thành lập nhà máy thứ ba tại Thủ Đức, TPHCM để gia tăng công suất đáp ứng đơn hàng ngày mỗi nhiều.

Năm 2003: Chuyển từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành cổ phần.

Năm 2006: Sau gần 10 tháng tìm hiểu, thẩm định kết quả kinh doanh cũng như đánh giá tiềm năng phát triển của TTF, Quỹ Aureos Đông Nam Á (ASEAF) đã trở thành cổ đông nước ngoài đầu tiên của Công ty vào ngày 31/12/2006, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển của TTF. Bên cạnh đó, Tập đoàn còn cho ra đời thêm 1 nhà máy nữa tại Dak Lak.

Năm 2007: Công ty tiếp tục thu hút vốn từ các nguồn cổ đông trong và ngoài nước, tăng vốn điều lệ lên thành 150 tỷ đồng cùng với thặng dư vốn trên 470 tỷ đồng. Các cổ đông chiến lược và các cổ đông lớn bao gồm Aureos South East Asia Managers Ltd, VOF Investment Limited, Công ty CK Bảo Việt, Tong Yang, KITMC, Vina Capital,... Đồng thời, TTF thành lập các công ty trồng rừng tại Dak Lak và Phú Yên với chấp thuận chủ trương 100.000 ha tại Việt Nam.

Năm 2008: Tiếp tục thành lập 1 nhà máy tại Phú Yên và 1 nhà máy hiện đại nhất Việt Nam tại Bình Dương. Ngoài ra, TTF còn là một trong 30 doanh nghiệp đầu tiên được Chính phủ chọn vào Chương trình Thương hiệu Quốc gia.

Năm 2008: Ngày 1/2/2008, Công ty đã nhận được quyết định số 24/ QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) cho phép niêm yết chính thức 15.000.000 cổ phần TTF. Và ngày giao dịch chính thức đầu tiên của TTF trên HOSE là 18/2/2008. Đây là một cột mốc rất quan trọng của TTF.

Năm 2010: Tiếp tục xây dựng nhà máy thứ 8, chuyên sản xuất ván lạng, ván ép và ván sàn kỹ thuật cao.

Năm 2011: Thành lập Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Oji (TTO), một liên doanh giữa TTF và tập đoàn giấy lớn nhất Nhật Bản: OJI Paper về trồng rừng với quy mô 17.000 ha tại Phú Yên.

Năm 2012: Lần đầu tiên bị sụt giảm doanh số trong quá trình hình thành và phát triển.

Năm 2013: Công ty đã gặp nhiều khó khăn, nhất là khó khăn về tài chính. TTF đã có nhiều giải pháp tháo gỡ và chính thức bước vào giai đoạn tái cơ cấu tài chính .

Năm 2014: TTF thực hiện tái cấu trúc tài chính mạnh mẽ và đã đạt được 80% kế hoạch đề ra và bắt đầu dồn lực mạnh hơn cho việc phát triển kinh doanh, xây dựng thương hiệu.

Năm 2015: Công ty chính thức công bố tái cơ cấu tài thành công, doanh số tăng mạnh trở lại và lợi nhuận thu về lớn nhất kể từ trước đến nay.

Năm 2016: Kiểm toán E&Y công bố kết quả kiểm kê - hàng tồn kho bị thiếu hụt 980 tỷ, một lần nữa TTF lại gặp biến cố lớn, giá cổ phiếu trên thị trường sụt giảm từ trên 40.000 đồng/cp xuống còn dưới 5.000 đồng/cp.

Năm 2017: Nhà đầu tư mới tiếp nhận và đầu tư thêm 700 tỷ bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng với sự nỗ lực của ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV đã giúp TTF một lần nữa vượt qua biến cố.

Trải qua hơn 25 năm hình thành và phát triển, Công ty hiện tại là một trong những Tập đoàn chế biến gỗ hàng đầu Việt Nam với hệ thống 5 nhà máy hầu hết đều được trang bị công nghệ chế biến hiện đại của Châu Âu. Nhóm sản phẩm xuất khẩu chính của Trường Thành hiện nay bao gồm Nội thất, Ngoại thất, Ván sàn và Particle Board; được xuất sang nhiều thị trường lớn như EU, Mỹ, Úc... Với công suất hiện tại của các nhà máy đạt mức 5.500 cont 40 feet/năm đồng thời thông qua việc áp dụng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm theo chứng nhận ISO 9001:2008, FSC®-C011411 và BRC, Công ty luôn đảm bảo đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên thế giới. Chính vì lẽ đó, Tập Đoàn Trường Thành tự hào khi được trao tặng nhiều giải thưởng quốc gia, quốc tế cao quý từ các tổ chức chất lượng uy tín trên khắp thế giới.



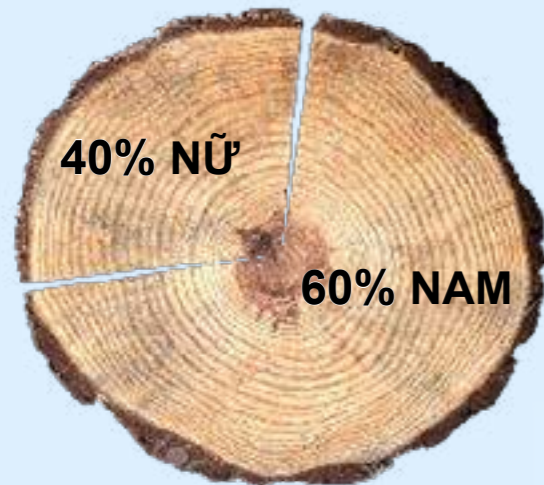
Phần 2

Cơ cấu tổ chức & Nhân sự

Nhân sự và chính sách cho người lao động.....	21
Cơ cấu bộ máy quản lý	25
Quản trị theo giá trị.....	27
Các công ty con và liên kết.....	28

2.1 NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

A. Số lượng người lao động trong công ty



Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 2.976 người, trong đó:

- ▶ **Nam: chiếm 60%**
 - ▶ **Nữ: chiếm 40%**
- Trong đó, trình độ từ PTTH trở lên chiếm 25%**

B. Chính sách đối với người lao động:

1. Chế độ làm việc:

- Công ty thực hiện chế độ 44 giờ/tuần (làm việc 5,5 ngày/tuần) đối với lực lượng lao động gián tiếp và 48 giờ/tuần (làm việc 6 ngày/tuần) đối với lực lượng trực tiếp;
- Còn lại các chế độ khác đều tuân thủ theo Luật Lao động hiện hành của Việt Nam.

2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

a) Tuyển dụng

- Đảm bảo rằng chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước, của SA 8000 (Social Accountability - Trách nhiệm Xã hội) và ILO (International Labor Organization - Tổ chức Lao động Quốc tế).
- Ưu tiên tuyển dụng những người trẻ và thông minh, có trình độ học vấn cao để Công ty đào tạo trong chương trình cán bộ nguồn nhằm đáp ứng cho nhu cầu liên tục phát triển và mở rộng quy mô Công ty, cũng như tăng cường cho các công ty con.
- Thu hút những người có kinh nghiệm trong ngành, nhiệt tình, có trách nhiệm, ham học hỏi, biết sáng tạo. Ưu tiên những người có khả năng phân tích tổng hợp, xử lý tình huống và quản trị công việc tốt.
- Đối với một số vị trí cấp cao như Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và các Giám đốc khác, Công ty ưu tiên tuyển dụng những người có học vị Thạc sĩ trở lên và được đào tạo từ các nước tiên tiến có kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng huấn luyện và trình độ chuyên môn thích hợp.

- Đối với công nhân, ưu tiên người đến từ địa phương có nền công nghiệp ít phát triển để đào tạo thành công nhân kỹ thuật lành nghề và đầu tư vào nhà ở đầy đủ tiện nghi cho công nhân. Điều này góp phần ổn định lực lượng công nhân đông đảo của Công ty.

b) Đào tạo và huấn luyện

- Thường xuyên tổ chức huấn luyện và đào tạo tại Công ty với tần suất tối thiểu 20 ngày mỗi năm. Đây là 1 tần suất khá cao, kể cả so với các công ty đa quốc gia. Điều này góp phần làm cho hệ thống quản trị của Công ty luôn theo kịp thế giới kinh doanh quốc tế ngày càng phát triển.
- Các khóa đào tạo - huấn luyện xoay quanh các chủ đề sau:
 - + Kỹ năng lãnh đạo.
 - + Kỹ năng quản lý.
 - + Kỹ năng quản trị văn phòng.
 - + Một số kỹ năng mềm để làm việc tốt hơn như: Giao tiếp hiệu quả, Quản trị thời gian, Giải quyết vấn đề, Giải quyết mâu thuẫn, Làm việc đồng đội....
 - + Các kiến thức chuyên môn của từng phòng, ban chức năng.
 - + Quy trình sản xuất của từng nhà máy.
 - + Kỹ thuật chế biến sản phẩm gỗ.
 - + Tiêu chuẩn thiết kế thông minh.
 - + Kỹ năng sử dụng máy móc, thiết bị.
 - + Quản lý chất lượng đối với hệ thống và đối với sản phẩm.
 - + Kiến thức về CoC (Truy ngược nguồn gốc sản phẩm), đạo luật Lacey của Mỹ, hiệp định FLEGT của Châu Âu.
 - + PCCC, An toàn lao động, An toàn khi sử dụng hoá chất.
 - + ISO 9001:2008, SA 8000.
 - + Quản trị chi phí.
- Tài trợ cho một số cán bộ, nhân viên đi học

trong nước và ở nước ngoài về các lĩnh vực như thiết kế, hoàn thiện sản phẩm gỗ, quản lý nguyên liệu thô, quản lý kho bãi, tổ chức hậu cần, kế toán doanh nghiệp...

- Nhằm chuẩn bị một đội ngũ kế thừa mạnh mẽ cho các thể hệ quản lý điều hành trong TTF, Công ty đã tổ chức đào tạo lớp CÁN BỘ NGUỒN theo chương trình MBA kéo dài 2 năm/ khóa, đảm bảo cung cấp trung bình mỗi năm khoảng 45 cán bộ có thể lên đảm nhận vị trí/ trọng trách cao hơn.



Hình ảnh một buổi chia sẻ kinh nghiệm quản trị của CEO Gỗ Trường Thành với CBNV

c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương

Tuân thủ quy định mức lương tối thiểu của Nhà nước và phù hợp với năng lực, đóng góp của CBCV.

Chính sách thưởng

Áp dụng khen thưởng đột xuất cho các cá nhân/tập thể hoàn thành nhiệm vụ ở mức sáng tạo cao hoặc có sáng kiến cải tiến kỹ thuật – quản lý... để làm tăng cao hiệu suất trong công việc. Đây là chính sách mà Công ty đã và đang gia tăng áp dụng, đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế.

Áp dụng khen thưởng khi cá nhân/tập thể đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu quan trọng do Ban giám đốc đề ra.

Chính sách phúc lợi

- Bảo hiểm xã hội và y tế cho CBNV theo Quy định của Nhà nước.
- Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBNV.
- Bố trí xe đưa rước cho CBCNV ở xa công ty.
- Thành lập Công đoàn để bảo vệ quyền lợi cho người lao động.
- Tổ chức vui chơi giải trí cho toàn thể CBCV như hội thao, văn nghệ, thi nấu ăn, thi cắm hoa, thi đố vui... có thưởng trong các dịp lễ quốc gia và lễ của Công ty.
- Tổ chức đi du lịch xa cho toàn thể CBCV ít nhất 1 lần/năm.
- Đã đầu tư gần 10 tỷ đồng để xây dựng nhà ở cho CBCV tại Bình Dương và Dak Lak.
- Và một số trợ cấp, phúc lợi khác theo Luật Lao động Việt Nam và Quy chế Nhân viên của Công ty.

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN NĂM 2018



Một buổi tiệc sinh nhật tập thể CBNV



Giải bóng chuyền nhân ngày thành lập công ty



Tổ chức tư vấn chăm sóc sức khỏe LĐ Nữ



Hội thi nấu ăn nhân do Huyện Tân Uyên tổ chức



Tổ chức tặng quà cho con em NLD khó khăn



Tặng quà nhân viên Nữ nhân ngày 8-3



2.2. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Sơ đồ được HĐQT thông qua từ ngày tháng.... năm....

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị: là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Văn phòng Hội đồng Quản trị: là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng Quản trị.

- Ban Kiểm toán nội bộ: do Hội đồng Quản trị bầu ra. Vai trò của Ban Kiểm toán nội bộ là đảm bảo các quyền lợi của Cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty.

- Ban quan hệ cổ đông: là bộ phận thực hiện các hoạt động chăm sóc cổ đông. Đồng thời, là cầu nối giữa Hội đồng quản trị và cổ đông của công ty.

Ban tổng giám đốc: Là bộ máy điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty. Thành phần Ban điều hành gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc thường trực, Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc tài chính.

- Tổ trợ lý pháp chế: hỗ trợ pháp lý cho công ty nhằm đảm bảo các giao dịch đảm bảo đúng theo qui định của pháp luật.

Khối Phát triển kinh doanh: Hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường, triển lãm, tổ chức sự kiện, bán hàng và đo lường sự thỏa mãn của khách hàng, quảng cáo tiếp thị, xây dựng thương hiệu Công ty.

Khối Kế hoạch cung ứng: Hoạch định sản xuất, phân bổ đơn hàng, theo dõi tiến độ sản xuất; Kiểm soát, quản lý hoạt động các kho bãi Công ty gồm Kho thành phẩm, kho vật tư, kho nguyên liệu, kho hóa chất....

Dự trữ, đặt hàng và cung cấp các loại vật tư – phụ liệu, máy móc thiết bị theo kế hoạch

Phòng Hành chính nhân sự: Là phòng tham mưu về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương. Căn cứ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty phối hợp với các phòng nghiệp vụ lập phương án trình HĐQT- Ban giám đốc Công ty phê duyệt;

Tham mưu đề xuất với HĐQT – Ban giám đốc Công ty về công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua khen thưởng, kỷ luật, thi tay nghề, nâng bậc lương cho Cán bộ công nhân viên, công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống lũ bão, cháy nổ, giảm nhẹ thiên tai và các nhiệm vụ khác được HĐQT giao;

Quản lý lưu trữ các văn bản Công ty phát hành bảo mật tài liệu, ấn chỉ. Trực tiếp quản lý công tác quản trị hành chính văn phòng.

Nghiên cứu đề xuất các vấn đề pháp lý có liên quan;

Cung cấp các phương tiện làm việc cho ban lãnh đạo, các phòng ban trong Công ty, quản lý thiết bị, dụng cụ văn phòng, quản lý cơ sở hạ tầng.

Tài chính kế toán: Là phòng tham mưu về nghiệp vụ tài chính kế toán - thống kê, quản lý tiền vốn của toàn Công ty. Có trách nhiệm thực hiện chế độ hạch toán kế toán, báo cáo quyết toán thống kê theo quy định của Nhà nước;

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh và nguồn vốn hiện có, Phòng có trách nhiệm chủ động đề xuất nguồn vốn vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ kinh doanh kịp thời và thực hiện định mức tồn quỹ theo quy định;

Hướng dẫn nghiệp vụ kế toán - thống kê cho các cơ sở, các phòng nghiệp vụ lập chứng từ ban đầu đúng nguyên tắc chế độ, đảm bảo các yêu cầu về quản lý tài chính hiện hành;

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật, HĐQT – Ban giám đốc Công ty và toàn thể

cổ đông về việc không kiểm soát được nguồn vốn. Được quyền yêu cầu các phòng ban, đơn vị trực thuộc giải trình những chi phí không hợp lý và đã chi nếu không đúng nguyên tắc tài chính hiện hành và quy chế quản lý của Công ty thì được quyền xuất toán.

Kiểm soát hệ thống: Là khối có chức năng nhiệm vụ của kiểm soát nội bộ nhằm phục vụ cho mục đích kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn công ty, ngăn chặn mọi rủi ro để đảm bảo hoạt động sản xuất của công ty đúng luật, có hiệu lực và hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch và độ chính xác của báo cáo tài chính, bảo toàn tài sản công ty tốt nhất theo đúng chuẩn mực pháp luật Việt Nam và COSO.

Khối sử dụng các công cụ qui định hành chính, giấy tờ và hệ thống công nghệ thông tin với các giải pháp số hóa dữ liệu để kiểm soát nội bộ.

Khối Kỹ thuật chất lượng: Nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới, nghiên cứu và cố vấn cho khách hàng các vấn đề về kỹ thuật, lập các hồ sơ kỹ thuật cho từng sản phẩm được đặt hàng .

Đảm bảo chất lượng đầu vào, đầu ra cho nguồn nguyên liệu và thành phẩm công ty.

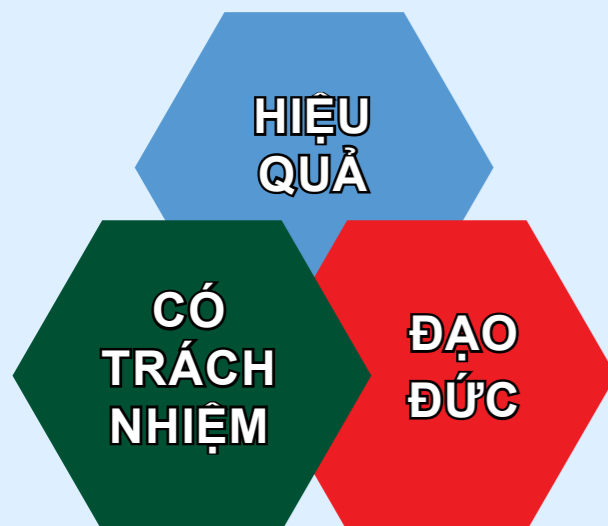
Khối sản xuất: Hoạch định, tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất – chế biến gỗ trong Công ty, từ sơ chế đến tinh chế ra thành phẩm.

Khối Sản Xuất: có nhiệm vụ đảm bảo sản phẩm của TTF được sản xuất với năng suất và hiệu quả cao nhất đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường về mặt số lượng và chất lượng.

Khối sản xuất được chia như sau: nhà máy ván ép, nhà máy cửa, nhà máy tủ kệ ván công nghiệp, nhà máy ván sàn, sậy gia công, Loose & Sofa, mẫu và cơ điện.

Khối Công trình: Đảm nhận công tác thi công các công trình do công ty kí kết với các đối tác.

2.3. QUẢN TRỊ THEO CÁC GIÁ TRỊ



Ba giá trị nêu trên đã được đồng nhất trong cuộc sống và công việc của tập thể TTF. Từ quy trình của Công ty cho đến phương châm hành động của toàn thể CBCNV, đều hướng đến những giá trị này:

► Hiệu quả:

Kinh doanh là để có lợi nhuận, đó là mục đích lâu dài và sống còn của bất kỳ doanh nghiệp nào. Do đó, khi thực hiện bất cứ một việc gì, toàn thể thành viên Tập đoàn phải đảm bảo việc làm đó có **Hiệu quả**. Tuy nhiên, **Hiệu quả** được TTF chấp nhận ở phạm vi rộng hơn, chứ không thuần túy là Lợi nhuận bằng vật chất. **Hiệu quả** đôi khi chỉ là giải quyết được vấn đề. Vì thế, chúng tôi luôn khuyến khích các thành viên trong doanh nghiệp của mình dự đoán được những vấn đề có khả năng xảy ra, và hành động theo mục tiêu là phải giải quyết được vấn đề đó

► Có trách nhiệm:

Tinh thần **trách nhiệm** là sẵn sàng chia sẻ, đóng góp công sức của mình vào công việc chung và thực hiện công việc đó với khả năng tốt nhất. Ngoài ra, mỗi cá nhân cần có **trách nhiệm** với tất cả những gì mình làm cho dù đó là kết quả tốt hay là một hậu quả xấu. Tinh thần **trách nhiệm** là một yếu tố quan trọng, là điều kiện giúp chúng ta đạt được những mong muốn trong cuộc sống. Cần phải có tinh thần trách nhiệm với chính bản thân, với

gia đình, với công việc chung ở mọi lúc mọi nơi. "Quyền lợi luôn gắn với **trách nhiệm**" - với tinh thần này, TTF luôn có **trách nhiệm** với khách hàng và nhà cung cấp, với cổ đông và chính CBCNV của mình.

► Đạo đức:

Ngày nay, rất nhiều doanh nghiệp chỉ tập trung vào lợi nhuận và thành công mà xem nhẹ **đạo đức** nghề nghiệp. Đó có thể là sự gian lận, bê bối cũng như sai phạm trong kinh doanh hoặc đó cũng có thể là sự trù dập, hãm hại giữa các nhân viên với nhau. **Đạo đức** trong kinh doanh cũng như trong việc đối nhân xử thế sẽ là tiền đề để xây dựng nên một doanh nghiệp vững mạnh và chuyên nghiệp. Khi **đạo đức** được đề cao thì chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, chất lượng nguồn nhân lực sẽ được tăng lên đáng kể. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp chiếm trọn niềm tin của khách hàng mà còn giúp doanh nghiệp thu được một khoản lợi nhuận không nhỏ. Do đó, tại TTF, chúng tôi luôn nêu cao biểu ngữ **đạo đức** trong kinh doanh.

2.4. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

5.1 CÁC CÔNG TY CON

► 5.1.1. CTY CP Lâm nghiệp Trường Thành

Địa chỉ: Dak Lak
Ngành nghề KD chính: trồng và chăm sóc rừng
Vốn điều lệ thực góp: **59.564.847.684 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,97%

► 5.1.2. CTY CP Trường Thành Xanh (TTG)

Địa chỉ: Phú Yên
Ngành nghề chính: trồng và chăm sóc rừng
Vốn điều lệ thực góp: **27.777.683.305 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 98,98%

► 5.1.3. CTY CP Trồng rừng Trường Thành

Địa chỉ: tỉnh Dak Lak
Ngành nghề KD chính: trồng và chăm sóc rừng
Vốn điều lệ thực góp: **26.809.360.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 79,89%

► 5.1.4. CTY CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrắk

Địa chỉ: tỉnh Dak Lak
Ngành nghề chính: Sản xuất và chế biến gỗ
Vốn điều lệ thực góp: **9.885.456.454 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 90,25%

► 5.1.5. CTY CP Trường Thành (TTDL1)

Địa chỉ: tỉnh Dak Lak
Ngành nghề chính: Sản xuất và chế biến gỗ
Vốn điều lệ thực góp: **21.000.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 70,00%

► 5.1.6. CTY CP Chế biến Gỗ Trường Thành

Địa chỉ: tỉnh Dak Lak
Ngành nghề chính: Xây dựng công trình
Vốn điều lệ thực góp: **19.600.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 70,00%

► 5.1.7. CTY CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành Ea-H'leo

Địa chỉ: tỉnh Dak Lak
Ngành nghề chính: Xây dựng công trình
Vốn điều lệ thực góp: **5.400.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 97,30%

5.2. CÁC CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

► 5.2.1. CTY CP Nông Lâm Nghiệp Trường An

Địa chỉ: tỉnh Dak Lak
Ngành nghề chính: trồng rừng và chăm sóc rừng, sản xuất cây giống, dịch vụ khai thác lâm sản
Vốn điều lệ thực góp: **5.400.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 85,37%

► 5.2.2. CTY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH – PHƯỚC AN

Địa chỉ: Dak Lak
Ngành nghề chính: sản xuất VLXD từ đất sét
Vốn điều lệ thực góp: **9.700.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 51,55%

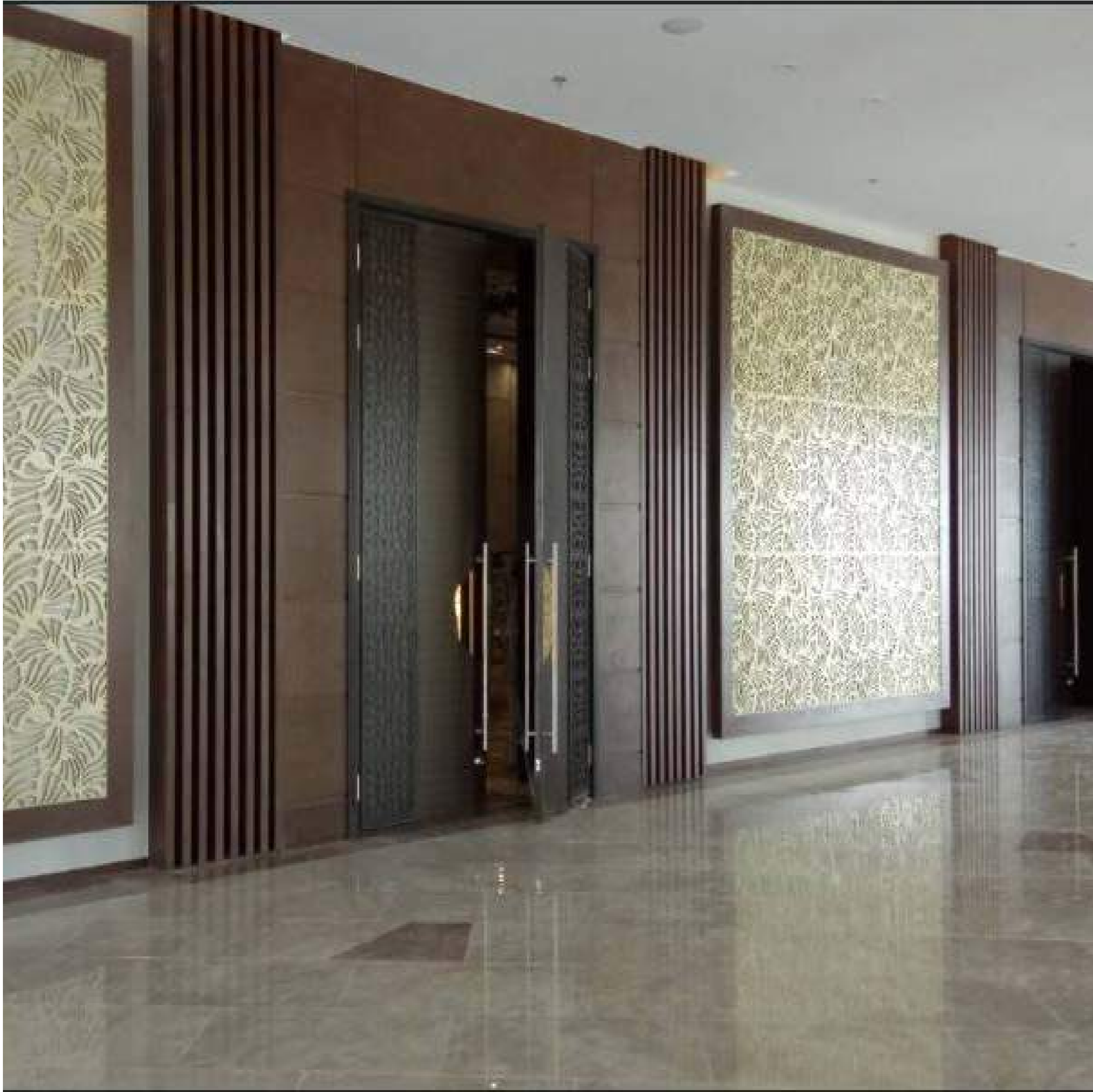
5.3. CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

► 5.3.1. CTY CP BAO BÌ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: TP.HCM
Ngành nghề chính: chế biến và kinh doanh sản phẩm bao bì giấy
Vốn điều lệ thực góp: **4.570.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 43,76%

► 5.3.2. CTY TNHH TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH - OJI

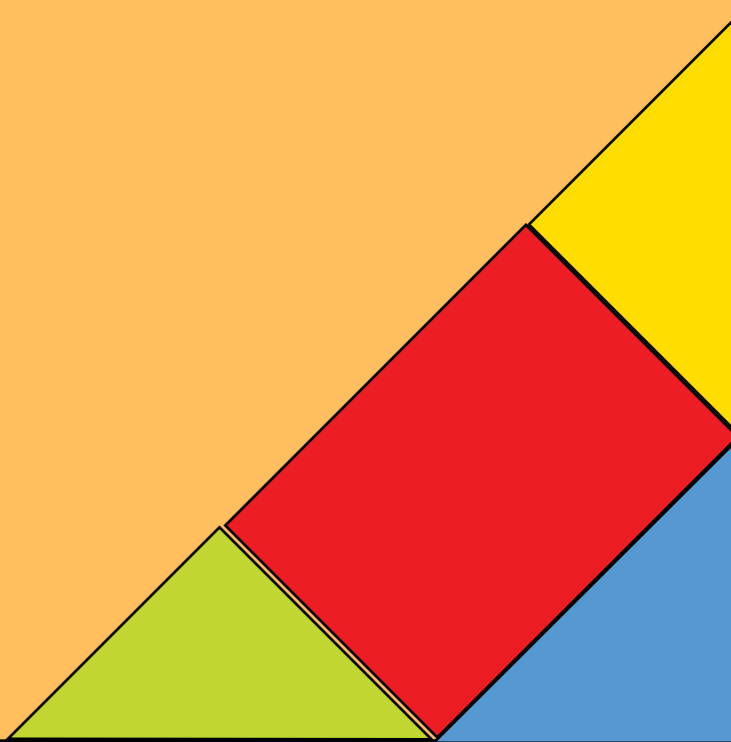
Địa chỉ: Phú Yên
Ngành nghề chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản
Vốn điều lệ thực góp: **186.145.590.650 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 51%



Phần 3

Định hướng phát triển

Năng lực cốt lõi.....	31
Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	33
Quản trị rủi ro.....	35



3.1. NĂNG LỰC CỐT LÕI

A. Năng lực cốt lõi

- Nắm giữ nhiều **bí quyết** làm ra sản phẩm chất lượng cao, đạt yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn (BS EN 581, BRC, CARB...), về đóng gói (ISTA)... từ nhiều năm trước. Gần đây, Công ty còn nghiên cứu, thiết lập và ứng dụng thành công quy trình sơn UV đạt độ cứng cao nhất thế giới đối với dòng sơn trên gỗ (đạt độ cứng 8H trong khi chuẩn cao trên thế giới trước đây chỉ đến 6H)
- Đã nghiên cứu và phát triển thành công một số dòng sản phẩm mới, mang tính chiến lược cao và tạo bước đột phá như: Ván sàn và ván ép kỹ thuật cao, ván PB cao cấp không độc tố... Đây có thể xem là một cuộc cách mạng trong ngành VLXD và trang trí nội thất
- Sở hữu nhiều máy móc chế biến gỗ hiện đại, đa năng, công suất cao thuộc hàng bậc nhất Việt Nam - được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật bản - kết hợp công nghệ quang học và điện toán để có thể chọn lọc gỗ bằng mắt thần quang học; cũng như **tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu thô theo giá trị thu hồi** bằng phần mềm điện toán, chứ không phải khái niệm tối ưu theo tỷ lệ khối lượng thu hồi như trước đây. Các máy móc thế hệ mới này được nối lại với nhau bằng cáp quang và thông qua server tại văn phòng chính của Công ty đến bưu điện. Từ đó, khi có yêu cầu, các chuyên gia từ Đức, Ý có thể sửa chữa hoặc vận hành sản xuất theo những thiết kế mới tức thì. Việc trang bị nhiều máy móc thiết bị hiện đại này sẽ giúp cho Tập đoàn chúng tôi vượt qua được thử thách trong tương lai, lúc mà lượng của công nhân sẽ tăng cao gần 3 lần hiện nay;
 - Gỗ Trường Thành đã đầu tư hơn 165,5 tỷ đồng để sở hữu rừng trồng diện tích 8.510,3 ha, chủ yếu là gỗ keo, cao su và Teak. Được hỗ trợ kỹ thuật từ những đối tác danh tiếng và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng rừng trên thế giới. Việc này giúp cho Gỗ Trường Thành nâng cao tính chủ động nguyên liệu trong sản xuất;

- Đội ngũ **tiếp thị quốc tế** có khả năng tìm kiếm – cập nhật nhanh chóng các thông tin về thị trường, về xu hướng thiết kế, về tình hình nguyên vật liệu. Từ đó, Ban Điều hành sớm đưa ra những định hướng kịp thời và hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Đội ngũ **kinh doanh quốc tế** có khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Anh, Pháp, Nhật và Hoa, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc đàm phán các hợp đồng ngoại thương cũng như xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống thanh toán quốc tế và xuất nhập khẩu;
- Có khả năng duy trì và phát triển tốt **hệ thống truy tìm nguồn gốc sản phẩm** đạt chuẩn C.o.C, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS;
- Có khả năng **sản xuất những đơn hàng rất lớn** do quy mô sản xuất rộng lớn, dự trữ được nhiều nguyên liệu và đầu tư mạnh cho máy móc thiết bị hiện đại;
- Nền tảng Công ty được xây dựng dựa trên những thông lệ và chuẩn mực quản trị tốt nhất của thế giới;
- Thương hiệu “Trường Thành” đã được đăng ký bảo hộ tại Mỹ, Anh, Pháp và Việt Nam;
- Là một nhóm công ty chế biến gỗ liên kết với nhau thành một chuỗi sản xuất gần như khép kín từ các nguyên liệu đầu vào như rừng, gỗ, ván dăm, ván ép, ván lạng đến thành phẩm và bao bì đóng gói. Điều này hạn chế sự lệ thuộc vào những nhà cung cấp bên ngoài Tập đoàn; đồng thời gia tăng sự kiểm soát về chất lượng, giá cả đầu vào và ngày giao hàng cho khách;
- TTF sở hữu đội ngũ nhân sự có trình độ cao, có kiến thức chuyên môn và dày dặn kinh nghiệm làm việc, gắn bó nhiều năm với công ty.

3.2. CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2017-2021

Trong năm 2019, Gỗ Trường Thành đặt kế hoạch tài chính như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2019 (sau phát hành)
1	Vốn Điều lệ	3.111.983
2	Doanh thu	2.092.946
3	Lợi nhuận trước thuế	196.367
4	Lợi nhuận sau thuế	157.094
5	Lợi nhuận sau thuế/doanh thu	7.51%
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	5.05%
7	Cổ tức trả bằng tiền (đồng/cp)	0

(Số liệu được tính dựa trên cơ sở sau khi sáp nhập Sứ Thiên Thanh)

Về định hướng chiến lược trong 5 năm:

TTF định hướng mua lại, sáp nhập thêm các nhà máy trong cùng ngành để tăng năng lực của TTF; lập trung tâm thiết kế riêng của TTF; thành lập một khu công nghiệp chuyên cho ngành gỗ trong địa bàn tỉnh Bình Dương, trung tâm của ngành gỗ Việt Nam.

Kế hoạch trung hạn trong 3 năm:

Về thị trường tiêu thụ: ngoài việc là nhà cung cấp chính của Vingroup, Công ty sẽ mở rộng cung cấp sang các dự án của các đơn vị phát triển bất động sản khác tại Việt Nam với các mặt hàng chính truyền thống là cửa, tủ và ván sàn. Các nhà đầu tư và Ban điều hành mới đã thiết lập sẵn những quan hệ cần thiết cho việc này. Đồng thời, lập liên minh các nhà sản xuất gỗ lớn của Việt Nam lẫn nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam, nhất là trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Về việc đầu tư, TTF sẽ thiết kế lại toàn bộ dây chuyền sản xuất bằng chuẩn khu vực Đông Nam Á, đầu tư thêm các thiết bị hiện đại, sử dụng chuyên gia tư vấn của Mỹ và châu Âu với mục tiêu giảm 30% chi phí nhân công. Ngoài ra, TTF sẽ đầu tư thêm một số máy móc để đưa nhà máy ván sàn đã lắp ráp đủ thiết bị nhưng chưa vận hành vào hoạt động.

Về tài chính, TTF phát hành để cơ cấu lại tài chính; thanh lý toàn bộ kho gỗ tồn đã để ở TTF nhiều năm, chấp nhận lỗ lớn ở khoản thanh lý này nhưng từ đó loại bỏ toàn bộ các khó khăn mà TTF đã và đang có.

Biện pháp đạt kế hoạch trong năm 2019:

Công ty tiếp tục tập trung phát triển nhóm khách hàng công trình, đặc biệt các hợp đồng của tập đoàn VinGroup đã ký kết. Ngoài ra, công ty tìm kiếm các đơn vị có tiềm năng hợp tác để cùng nhau tạo ra chuỗi giá trị khép kín từ thiết kế, sản xuất đến thi công, tạo ra “giải pháp nội thất toàn diện” giúp nâng cao, hoàn thiện chất lượng sản phẩm, tối ưu chi phí & tiến độ thực hiện các dự án, mang lại lợi ích kinh tế tối đa cho khách hàng.



Lễ ký kết hợp tác chiến lược giữa Gỗ Trường Thành và BOHO DÉCOR

Công ty đẩy mạnh hơn mảng sản xuất xuất khẩu, với thế mạnh về công nghệ, tiêu chuẩn và kinh nghiệm sẵn có, dự kiến sẽ tăng doanh thu tại các thị trường khó tính như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản;

Chuyển nhượng vốn góp tại các Công ty con, Công ty liên kết và liên doanh nhằm bổ sung vốn lưu động cho việc sản xuất chính tại Công ty mẹ;

Tiến hành thanh lý gỗ tồn kho chậm luân chuyển. Sau khi thanh lý sẽ loại bỏ toàn bộ khó khăn của Công ty, từ đó tạo tiền đề đưa toàn bộ tài sản Công ty vào sử dụng hiệu quả.

Đẩy mạnh sản xuất mảng: Đồ rời, nội thất liền tường... nên cần đầu tư mạnh về máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước;

Ngoài ra, Công ty đã đưa hệ thống SAP-ERP vào vận hành vào ngày 01/01/2019 với kỳ vọng: Tăng cường khả năng kiểm soát; Quản trị và minh bạch số liệu; Tiết giảm và nâng cao năng lực lao động.

3.3. QUẢN TRỊ RỦI RO

A. Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người có ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ các sản phẩm gỗ. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, thu nhập của người dân cao, đời sống vật chất được đảm bảo thì các nhu cầu xây dựng cao ốc, xây dựng nhà cửa, mua sắm các mặt hàng gỗ nội thất, gỗ ngoài trời, ván sàn... ngày càng cao. Những năm trở lại đây, tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng trưởng khá cao và ổn định. Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm nội địa năm 2017 tăng 6,81% so với năm 2016 và năm 2018 tiếp tục duy trì tăng trưởng khá với mức tăng 7,08%, cao nhất kể từ năm 2008. Cùng với kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người tiếp tục tăng trưởng ổn định, năm 2018 thu nhập bình quân đầu người đạt 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Các chuyên gia phân tích đều cho rằng, nền kinh tế Việt Nam sẽ phát triển nhanh nhờ đẩy việc đẩy mạnh tiêu dùng cá nhân, đầu tư tư nhân và lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mạnh mẽ trong tương lai. Vì vậy việc tăng trưởng GDP của Việt Nam duy trì ổn định ở mức từ 6 – 7%/năm là tương đối khả thi. Sự phát triển lạc quan của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của ngành sản xuất chế biến sản phẩm gỗ.

B. Rủi ro pháp luật

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan; một số sắc thuế, tập tục thương mại quốc tế và luật chống bán phá giá. Ngoài ra, là một công ty đại chúng, hoạt động của Công ty sẽ phải tuân thủ theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế các luật và văn bản dưới luật trên có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch chính sách kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối chủ trương của Đảng và Nhà Nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

C. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Vì nguyên liệu chủ yếu là gỗ, chiếm tỷ trọng từ 40% đến 60% trong giá thành sản phẩm nên sự biến động giá cả nguyên liệu này sẽ tác động tới lợi nhuận của Công ty. Rủi ro tăng giá nguyên liệu bao gồm:

- Đặc tính trồng rừng khai thác gỗ dành cho sản xuất hàng mộc với chu kỳ đầu tư khá dài, mất ít nhất 8 năm, thậm chí có gỗ lên đến 20 – 30 năm. Vì vậy trong những năm qua, khi nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn trong đầu tư trung và dài hạn, ngành trồng rừng Việt Nam chưa đủ sức thu hút các doanh nghiệp đầu tư, thường xuyên gặp phải tình trạng khai thác non để bán cho ngành công nghiệp giấy, dẫn đến việc thiếu gỗ địa phương cho ngành chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ Việt Nam.

- Đối với một số gỗ ôn đới như Oak, Ash, Beech, Bạch Đàn và Teak cần có chứng nhận FSC (Forest Stewardship Council – Hội đồng Quản lý Rừng), các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu đồ gỗ phải nhập khẩu. Do đó, khi thu mua với cự ly vận chuyển xa, sẽ có rủi ro về cước vận chuyển tăng cao và đặc biệt với thời gian vận chuyển dài ngày sẽ gây áp lực đến dòng tiền và vốn lưu động. Tuy nhiên số gỗ này chỉ chiếm dưới 40% toàn ngành và dưới 15% đối với công ty.

- Hai thị trường lớn là Châu Âu và Hoa Kỳ đều bắt buộc phải sử dụng 70% nguyên liệu có chứng chỉ FSC, 30% còn lại là gỗ có nguồn gốc. Ngoài ra, từ tháng 3/2013, doanh nghiệp xuất khẩu gỗ vào EU còn phải gánh thêm đạo luật FLEGT cũng yêu cầu các lô gỗ nhập vào EU phải minh bạch, rõ ràng về nguồn gốc gỗ nguyên liệu mới cho nhập khẩu. Tuy nhiên nguồn gỗ trong nước không phù hợp với nhu cầu sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và cũng chưa có chứng chỉ FSC. Hiện nay, trên địa bàn cả nước mới có khoảng 20.000 ha rừng được cấp chứng chỉ, trong đó có 9.900 ha vùng nguyên liệu để phục vụ nhà máy giấy của Nhật Bản ở Quy Nhơn, trên 10.000 ha là nguyên liệu của Công ty giấy Bãi Bằng.

- Nguyên liệu chính: Yếu tố lập kế hoạch ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu quả kinh doanh do thời gian chuẩn bị thường kéo dài từ 60-120 ngày, qua nhiều công đoạn trước khi đưa nguyên liệu vào sản xuất. Kế hoạch lập sai hoặc có độ trễ so với đơn hàng sẽ dẫn đến các rủi ro sau:

- + Chậm tiến độ giao hàng dẫn đến bị phạt hợp đồng;
- + Chịu áp lực về giá nguyên liệu do thời gian cần gấp;
- + Quy cách và chất lượng không phù hợp, dẫn đến tỷ lệ sử dụng nguyên liệu cao ảnh hưởng giá vốn;
- + Không chủ động trong việc chuẩn bị nguyên liệu.
- + Việc giá đầu vào tăng, tỉ lệ sử dụng nguyên liệu cao, rủi ro về chất lượng sản phẩm, áp lực các khoản phạt do chậm tiến độ... dẫn đến suy giảm lợi nhuận trong kinh doanh.

- Vật liệu phụ: Chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc mở ra cho công ty nhiều cơ hội lựa chọn nhà cung cấp với giá cạnh tranh cho đa số vật liệu phụ.

- Gia công ngoài:

- + Kim loại: độ phức tạp của từng sản phẩm dẫn đến một số sản phẩm ngoài sử dụng máy móc cần có mức độ tay nghề của thợ thủ công. Ngoài ra, do định hướng công ty theo dòng sản phẩm cao cấp nên yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng cao hơn bên ngoài dẫn đến giá tăng hơn mức bình thường.

- + Kính các loại: việc chọn nhà thầu đảm bảo chất lượng đáp ứng các công trình lớn của công ty đang là mối xích quan trọng. Việc này ảnh hưởng đến chất lượng cũng như tiến độ đơn hàng.

- + Các mặt hàng đơn: mặt hàng tự nhiên có tiến độ giao hàng chậm nên ảnh hưởng ít nhiều đến tiến độ đơn hàng.

Để giảm thiểu rủi ro, Ban Giám đốc đã đưa ra nhiều phương án, biện pháp thực hiện. Cụ thể như sau:

- Nguyên liệu chính:

+ Lập kế hoạch chi tiết theo từng dòng hàng cho một năm sản xuất. Căn cứ đó, bộ phận kế hoạch lên phương án chuẩn bị nguồn nguyên liệu cho từng thời điểm sản xuất trong năm để đáp ứng được tiến độ các đơn hàng yêu cầu.

+ Về mặt giá cả, xây dựng cơ sở dữ liệu nhà cung cấp để từng tùy thuộc vào đơn hàng, vào các tiêu chí chất lượng sản phẩm khách hàng yêu cầu để chọn lựa nhà cung cấp tối ưu mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Vật liệu phụ: Mặc dù giá được nhà cung cấp cam kết trong ít nhất 06 tháng trên cơ sở đặt hàng theo kế hoạch về số lượng yêu cầu cả năm. Tuy nhiên, để giảm thiểu rủi ro, công ty luôn cập nhật tình hình biến động giá trên thị trường để kịp thời thông báo các phòng ban liên quan trong việc dự đoán chi phí trong tương lai nhằm có cơ sở dự toán giá vốn và giá bán phù hợp.

- Gia công ngoài:

+ Về tiến độ: tương tự nguyên liệu chính, công ty đã lập các kế hoạch kinh doanh để từ đó, bộ phận mua hàng lên kế hoạch mua cho từng loại sản phẩm tương ứng với các nhà cung cấp phù hợp và tối ưu lợi ích công ty;

+ Về giá cả: tùy thuộc từng trường hợp cụ thể, công ty đàm phán giá với nhiều nhà cung cấp trên cơ sở dữ liệu thu thập để đạt mức giá tốt nhất tương ứng với yêu cầu chất lượng kỹ thuật yêu cầu;

+ Về nhà cung cấp: thực hiện đánh giá năng lực nhà cung cấp định kỳ để đảm bảo chất lượng đầu ra.

E. Rủi ro biến động tỷ giá hối đoái

Hiện tại, nguyên vật liệu đầu vào của công ty như mía nguyên liệu, dầu DO và các phụ gia, hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất đều được cung cấp theo giá tiền đồng Việt Nam và các sản phẩm của Công ty đa phần được tiêu thụ trong nước. Đối với các giao dịch phải sử dụng ngoại tệ, Công ty mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để giữ rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn ở mức thấp nhất. Vì vậy, biến động của tỷ giá hối đoái không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

F. Rủi ro lãi suất

Nợ vay của Công ty mặc dù đã được giảm đáng kể trong nửa cuối năm 2018 nhưng vẫn chiếm tỉ trọng lớn so với tài sản. **Lãi suất vay ngắn hạn của TTF dao động từ 8,5%/năm đến 12%/năm.**

D. Rủi ro cạnh tranh trong ngành

Hiện nay, nước ta có khoảng 3.500 công ty chế biến gỗ (với năng lực chế biến 2,2 – 2,5 triệu mét khối gỗ mỗi năm, trong đó có 450 công ty chuyên sản xuất, xuất khẩu), 340 làng nghề gỗ và lượng lớn các hộ gia đình sản xuất, kinh doanh đồ gỗ.

Thời gian gần đây đã cho thấy sự tăng trưởng trong đầu tư vào ngành gỗ của các doanh nghiệp Trung Quốc vào Việt Nam. Có thể sự dịch chuyển này là những động thái nhằm tránh các chính sách về thuế của Mỹ áp dụng cho các mặt hàng của Trung Quốc xuất khẩu vào quốc gia này. Gia tăng đầu tư Trung Quốc vào ngành chế biến gỗ của Việt Nam cũng có thể là phản ứng của các doanh nghiệp Trung Quốc với chính sách môi trường ngày càng nghiêm ngặt của Chính phủ Trung Quốc đối với các ngành sản xuất nội địa.

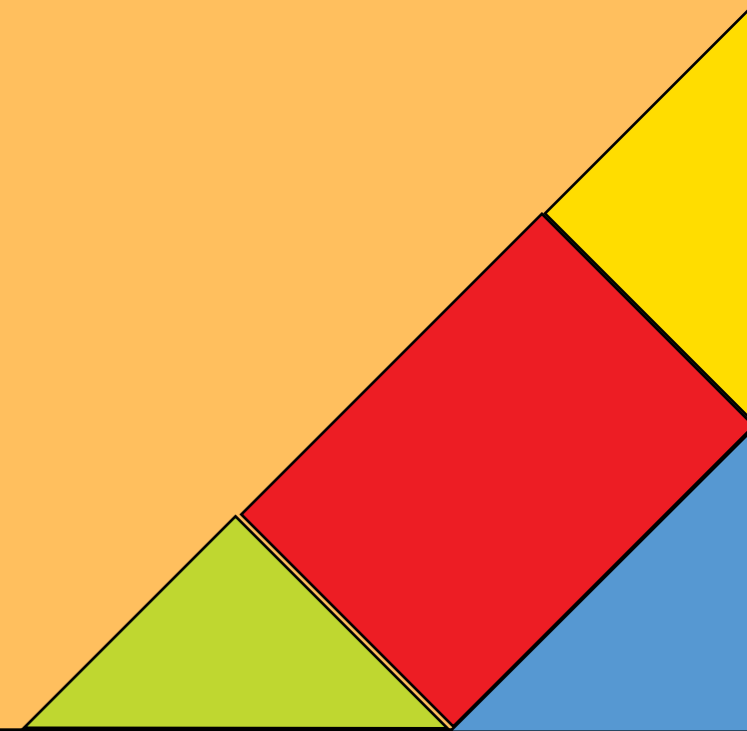
Ngoài các doanh nghiệp Trung Quốc, các doanh nghiệp nội địa cũng từng bước chuyển mình để nâng cao năng lực cạnh tranh, TTF cần nỗ lực hơn rất nhiều để chiếm lĩnh thị trường.



Phần 4

Tình hình hoạt động kinh doanh 2018

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	41
Tổ chức và nhân sự.....	43
Tình hình tài chính.....	44
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	47



4.1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Doanh thu thuần	1.044.949.560.348
2	Lợi nhuận gộp	(413.471.729.189)
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(804.700.213.026)
4	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(715.161.995.152)
5	EPS	(333)

B. Những thay đổi, biến động lớn

* Về Doanh thu

Đạt 68,68% so với kế hoạch do:

- Nhu cầu thị trường của TTF giảm;
- Công ty chủ động chia tay với các khách hàng không hiệu quả
- Dành thời gian để xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng khó khăn của công ty. Đồng thời cải tiến quy trình hoạt động ở tất cả các khâu một cách linh hoạt, minh bạch và hiệu quả.

* Về Lợi nhuận

Năm 2018 lợi nhuận công ty âm. Nguyên nhân chính do việc xử lý trích lập dự phòng hàng tồn kho và công nợ phải thu khó đòi.

* Về Chi phí

So với năm trước thì:

- Chi phí tài chính giảm 21%
- Chi phí bán hàng tăng 62,97%
- Chi phí quản lý tăng 259,47%

Chi phí tài chính giảm do công ty đã giảm 65,18% số nợ vay của các ngân hàng. Ngoài ra, một cá nhân đã giảm lãi vay với số tiền 62,8 tỷ đồng cho công ty.

Chi phí bán hàng tăng do trong năm qua,

công ty tiến hành các hoạt động đẩy mạnh bán hàng.

Chi phí quản lý tăng mạnh do việc xử lý trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

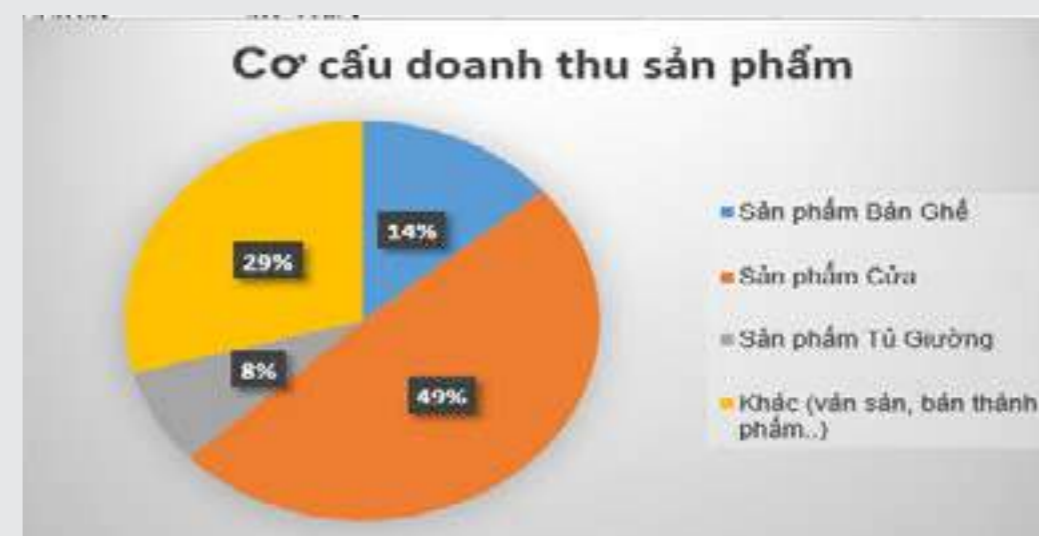
* Về thị trường

Nhà máy TTF hiện có thể sản xuất hầu như tất cả các mặt hàng nội thất bằng gỗ tự nhiên và ván công nghiệp, kết hợp với các nguyên liệu khác như kim loại, da, da nhân tạo, kính. Hoạt động xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, châu Âu, Nhật Bản... được doanh nghiệp đẩy mạnh.

Gỗ Trường Thành đặt mục tiêu phục vụ song song cả thị trường nội địa và xuất khẩu.

* Về sản phẩm

Cơ cấu dòng hàng theo doanh số năm 2018 như sau:



C. Tình hình thực hiện kinh doanh so với kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Kế hoạch	Năm 2017	So sánh với kế hoạch	So sánh với năm 2017
Doanh thu thuần	1.044.950	1.517.521	1.363.399	76,64%	68,86%
Lợi nhuận gộp	(413.472)	318.680	276.082	(149,76%)	(129,75%)
Tỷ lệ doanh thu trên giá vốn	(139.57%)	79.00%	(79.75%)		
Doanh thu hoạt động tài chính	17.572	9.481	6.497	270,46%	185,34%
Chi phí tài chính	106.110	102.418	134.375	78,97%	103,60%
Chi phí bán hàng	20.638	18.210	12.642	163,25%	(113,33%)
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	429.987	112.145	119.614	359,48%	383,42%
Lợi nhuận thuần	(950.176)	95.388	17.025	(5.581,06%)	(996,12%)
Lợi nhuận sau thuế	(804.700)	76.611	2.344	(34.330,20%)	(1.050,37%)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(715.162)		10.737	(6.660,72%)	
EPS	(3.333)		73		

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 và 2018 của TTF và kế hoạch kinh doanh đã thông qua trong ĐHCĐ thường niên 2018

4.2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

A. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

B. Tình hình biến động nhân sự

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

CUỐI NĂM 2017: **1.579 NHÂN VIÊN**

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

CUỐI NĂM 2018 **2.967 NHÂN VIÊN**

(tăng 87,90% so với năm 2017)

4.3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2016	2017	2018
1	Tổng tài sản	3.585.116	4.166.485	2.780.185
2	Doanh thu thuần	643.016	1.363.399	1.044.950
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(441.896)	17.025	(950.176)
4	Lợi nhuận khác	(603)	(14.556)	145.476
5	Lợi nhuận trước thuế	(442.498)	2.470	(804.700)
7	Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông TTF (đã trừ đi lợi ích cổ đông thiểu số)	(418.580)	10.737	(715.162)
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

B. Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018	
	Tổng số	Quá hạn	Tổng số	Quá hạn	Tổng số	Quá hạn
1. Phải thu khách hàng	790.878	181.311	797.378	192.693	551.541	421.116
2. Trả trước cho người bán	78.475	0	115.733	0	65.896	0
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	0	0	646.080	0	440.717	0
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	21.754	0	115.271	0	49.819	0
5. Các khoản phải thu khác	43.021	0	53.208	0	48.247	0
6. Dự phòng phải thu khó đòi	(178.856)	0	(190.616)	0	(405.574)	0
Tổng cộng	755.271	181.311	1.537.054	192.693	750.645	421.116

C. Tình hình công nợ phải trả

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018	
	Tổng số	Quá hạn	Tổng số	Quá hạn	Tổng số	Quá hạn
Nợ ngắn hạn	3.423.576	0	2.811.270	0	2.028.455	0
1. Phải trả người bán ngắn hạn	253.604	0	327.523	0	162.857	0
2. Người mua trả tiền trước	181.257	0	1.663.131	0	1.392.996	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	29.962	0	23.482	0	25.692	0
4. Phải trả người lao động	43.348	0	35.371	0	32.267	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	191.833	0	310.643	0	231.365	0
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	195	0	0	0	42.890	0
7. Phải trả ngắn hạn khác	85.978	0	53.126	0	137.868	0
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.637.398	0	396.058	0	622	0
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	1.936	0	1.899	0
Nợ dài hạn	29.440	0	527.172	0	732.017	0
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	27.013	0	25.187	0	24.795	0
2. Phải trả dài hạn khác	30	0	-	0	342.446	0
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	0	500.000	0	362.854	0
4. Dự phòng phải trả dài hạn	2.397	0	1.985	0	1.923	0
Tổng nợ phải trả	3.453.016	0	3.338.442	0	2.760.472	0

D. Tình hình vay nợ ngân hàng

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Vay và nợ ngắn hạn	933.669	396.058	137.868
1. Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Bình Dương	550.119	149.310	0
2. Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Bình Dương	124.293	124.293	123.293
3. Ngân hàng TMCP Việt Á - CN BMT	103.280	103.280	0
4. Ngân hàng NN & PT NT Việt Nam - CN BMT	25.003	10.500	7.200
5. Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk - Đắk Nông	10.375	8.675	7.375
6. Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Bình Dương	59.980	0	0
7. Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Phú Nhuận	56.847	0	0
8. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.772	0	0
Vay và nợ dài hạn	500.000	500.000	362.854
1. Ông Bùi Hồng Minh	500.000	500.000	362.854
Tổng cộng	1.433.669	896.058	500.722

4.4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

A. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu vốn cổ phần của TTF tại ngày 26/09/2018:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	3.902	200.492.124	93,4%
	Tổ chức	50	29.880.015	13,9%
	Cá nhân	3.851	170.612.109	79,5%
2	Nước ngoài	56	14.115.252	6,6%
	Tổ chức	8	13.830.906	6,4%
	Cá nhân	48	284.346	0,1%
3	Cổ phiếu quỹ	1	464	0,0%
Tổng cộng		3.958	214.607.840	100,0%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vào ngày 26/09/2018

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	CTCP Xây dựng U&I	29.000.000	13,51%
2	Quỹ đầu tư PYN ELITE	13.780.250	6,42%
Tổng cộng		42.780.250	19,9%

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005: “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Từ thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần đến nay đã được hơn 15 năm nên quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

B. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Thay đổi	Cuối năm
1. Vốn góp của chủ sở hữu	2.146.078.400.000	-	2.146.078.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	63.607.862.467	-	63.607.862.467
3. Cổ phiếu quỹ	-552.965.000	-	-552.965.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	17.170.909.622	-	17.170.909.622
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	8.963.110	-	8.963.110
6. [Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ Lỗ lũy kế]	-1.406.881.398.340	-715.161.995.152	-2.122.043.393.492
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	8.579.739.113	-93.168.164.310	-84.588.425.197
Tổng cộng	828.011.510.972	-808.330.159.462	19.681.351.510

C. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

D. Các chứng khoán khác: Không

Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 26/09/2018 được cung cấp bởi trung tâm lưu ký chứng khoán



Phần 5

Các báo cáo đánh giá

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành.....	51
Báo cáo và đánh giá của HĐQT.....	57

5.1. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

A. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

Thuận lợi

- Thương hiệu GỖ TRƯỜNG THÀNH được nhiều người tiêu dùng biết đến với sản phẩm đạt chất lượng cao đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng trong nước và quốc tế.
- Công ty đã tạo được uy tín với khách hàng, xây dựng được thương hiệu vững mạnh và tạo được một vị thế vững vàng trong ngành gỗ, tăng cường khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành
- Mặt bằng sản xuất rộng rãi đảm bảo cho công ty tăng lượng hàng dự trữ khi tình hình thị trường biến động cũng như đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho việc mở rộng quy mô, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh
- Gỗ Trường Thành là một trong số ít công ty tham gia đầy đủ chuỗi giá trị ngành gỗ tại Việt Nam. Công ty cùng nhóm công ty chế biến gỗ liên kết với nhau thành một chuỗi sản xuất gần như khép kín từ các nguyên liệu đầu vào như rừng, gỗ, ván dăm, ván ép, ván lạng đến thành phẩm và bao bì đóng gói. Điều này hạn chế sự lệ thuộc vào những nhà cung cấp bên ngoài; đồng thời gia tăng sự kiểm soát về chất lượng, giá cả đầu vào và thời gian giao hàng cho khách.



Vincom Village

Hạng mục: Cửa đi, Cửa phòng làm việc, ốp vách, ốp trần, cầu thang, quầy bar, quầy tiếp tân, ván sàn kỹ thuật cao và ván sàn gỗ (indoor, outdoor).

- Máy móc thiết bị hiện đại, đồng bộ với số lượng lớn đảm bảo cho công ty sản xuất ra sản phẩm có chất lượng cao và ổn định.
- Công ty luôn nỗ lực không ngừng trong việc nghiên cứu và phát triển thành công một số dòng sản phẩm mới, mang tính chiến lược cao và tạo bước đột phá như: Ván sàn và ván ép kỹ thuật cao, ván PB cao cấp không độc tố,... Công ty tự thiết kế và bán trên 80% sản lượng từ thiết kế của mình trong hơn 10 năm qua.



Một buổi thảo luận về sản phẩm mới

- Công ty sở hữu nhiều máy móc chế biến gỗ hiện đại, đa năng, công suất cao thuộc hàng bậc nhất Việt Nam – được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật Bản nên có khả năng sản xuất những đơn hàng rất lớn.

- Nguồn nguyên liệu ổn định và chất lượng cao. Công ty có nguồn nguyên liệu ổn định, số lượng lớn, giá rẻ mà vẫn đạt được yêu cầu của các thị trường khắt khe như Mỹ và Liên minh Châu Âu. Công ty còn sở hữu nhiều cánh rừng đến chu kỳ khai thác lấy gỗ và nắm giữ nhiều diện tích đất đai để trồng rừng trong những năm tiếp theo.
- Công tác marketing của Công ty được vận hành hiệu quả và Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp với Thương hiệu “Trường Thành” đã được đăng ký bảo hộ tại Mỹ, Anh, Pháp và Việt Nam.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiều kinh nghiệm trong ngành gỗ.



Khó khăn

- Tồn kho nguyên liệu, thành phẩm lớn nhưng phẩm chất không phù hợp với đơn hàng hiện tại.
- Đầu tư dàn trải vào các khâu trong chuỗi cung ứng làm giảm hiệu quả đầu tư cũng như phân tán nguồn lực. Để chủ động nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào, Gỗ Trường Thành đã đầu tư hơn 165,5 tỷ đồng để sở hữu rừng trồng diện tích 8.510,3 ha, chủ yếu là gỗ keo, cao su và Teak. Mặc dù việc này giúp cho Gỗ Trường Thành nâng cao tính chủ động trong sản xuất, nhưng làm gia tăng rủi ro do thiếu chuyên môn về lao động và công nghệ dẫn đến hiệu quả đầu tư thấp và không phù hợp với định hướng phục vụ thị trường nội địa. Trong tương lai, Gỗ Trường Thành sẽ từng bước thoái vốn đầu tư vào mảng trồng rừng.
- Đối với thị trường nội địa, việc phụ thuộc nhiều vào nhóm khách hàng công trình (chủ yếu là Vingroup) sẽ ít nhiều tạo áp lực cho Gỗ Trường Thành trong việc thương lượng giá cả, điều kiện thanh toán cũng như gia tăng rủi ro hoạt động do không đa dạng hóa sản phẩm và khách hàng.

B. Vị thế của Công ty trong ngành

Đồ gỗ nội thất

Hiện nay, việc sử dụng đồ gỗ nội thất trong gia đình người Việt đang là một xu hướng, nội thất gỗ ngày càng được phổ biến nhờ vào hiệu quả mà nó mang lại cho không gian kiến trúc. Đồ gỗ nội thất vì vậy trở nên có đẳng cấp riêng được nhiều người tiêu dùng lựa chọn. Gỗ Trường Thành là một trong những thương hiệu được người tiêu dùng biết đến là một công ty sản xuất đồ gỗ đạt chuẩn, uy tín, chất lượng.

Sản phẩm nội thất tiêu biểu gồm:

- Nội thất rời ngoài trời: được thiết kế đa dạng theo yêu cầu khách hàng, đảm bảo kết cấu theo tiêu chuẩn ASTM (Mỹ) và BSEN (Châu Âu);
- Cửa: Cửa chống cháy từ 30-120 phút; cửa công nghiệp, cửa solid: ván đều đạt chuẩn khắc khe của thị trường Mỹ và Châu Âu;
- Nội thất rời trong nhà: phong cách đi từ hiện đại tới cổ điển, Tropical, Scandinavian hay Median,...
- Nội thất liền tường:
- Ván sàn: là thương hiệu uy tín

Chất lượng nâng tầm thương hiệu

Đồ gỗ nội thất sử dụng các nguyên liệu sạch, đảm bảo các tiêu chuẩn khắc khe của các thị trường khó tính như Mỹ và Châu Âu và thường nhận những đơn hàng sản xuất riêng với số lượng lớn. Sản phẩm Gỗ Trường Thành được sản xuất bằng dây chuyền máy móc hiện đại, ứng dụng công nghệ với hệ thống máy cnc, máy cưa cắt gỗ tự động, máy phay – bào – đánh mộng, chà nhám,... Chính nhờ vậy giúp giảm chi phí, hạ giá thành, mang những sản phẩm chất lượng đến với khách hàng với giá cả hợp lý.

Tại nhà máy, các nguyên liệu đầu vào

đều được chuẩn hóa về mặt chất lượng, Trường Thành xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá khắt khe riêng để đảm bảo sản phẩm đều đạt chuẩn. Vì vậy, sản phẩm luôn đạt tỷ lệ tổng thể cân đối, chuẩn từ hệ thống mộng, biên dạng, kết cấu đến chất lượng xử lý bề mặt.

Bằng nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành gỗ, công ty đã tạo dựng được thương hiệu với các sản phẩm đồ gỗ có chất lượng, an toàn, tiện lợi với người sử dụng. Không những thế, các sản phẩm công ty còn đa dạng về mẫu mã và chủng loại, được tạo ra bởi đội ngũ thiết kế tài năng và những công nhân có tay nghề cao.

Việc áp dụng những công nghệ hiện đại cùng đội ngũ công nhân viên chuyên nghiệp đã cho ra sản phẩm với mức sản lượng lớn, chất lượng cao, chính xác đến từng chi tiết đáp ứng được nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Hiện nay, sản phẩm công ty được phân phối rộng rãi trên thị trường cả nước đặc biệt tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, Vũng Tàu,... và được các đối tác xuất khẩu sang những thị trường “khó tính” như Châu Âu, Nhật Bản,...

Sản phẩm Gỗ Trường Thành mang lợi thế sẵn có là một đơn vị sản xuất đồ gỗ lâu đời vì vậy luôn có những chính sách dịch vụ bảo hành sản phẩm nhanh và tốt nhất

Triển vọng phát triển của ngành

Thị trường tiêu thụ nội địa ổn định ở mức 1,47 tỷ USD/năm. Các doanh nghiệp ngành gỗ đang đặt trọng tâm phát triển mạnh thị trường nội địa song song xuất khẩu để hướng tới mục tiêu 4 tỷ USD tiêu thụ nội địa và 10 tỷ USD xuất khẩu gỗ vào năm 2020.

Hoạt động sản xuất, xuất khẩu gỗ trong nước có sự khởi sắc rất đáng kể. Quy mô phát triển tương đối lớn và ngành gỗ đang đứng trước ngưỡng cửa để tạo ra những đột phá mới. Mặt khác, nhu cầu tiêu thụ đồ gỗ nội thất trên thế giới tăng trưởng, trong khi đồ nội thất là thế mạnh của doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh đó, những thuận lợi về Luật Lâm nghiệp, các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) mới ký (với châu Âu), sẽ mang đến cơ hội mới cho doanh nghiệp ngành gỗ.

Bên cạnh xuất khẩu, thị trường nội địa hiện cũng được doanh nghiệp ngành gỗ tập trung phát triển đều ở mọi phân khúc tiêu thụ. Bởi thị trường nội địa cũng đang tăng tiêu thụ sản phẩm gỗ theo sự phát triển ổn định trở lại của thị trường bất động sản. Theo đó, các dự án bất động sản (nhà ở xã hội, căn hộ cho thuê, từ bình dân đến cao cấp) có nhu cầu tiêu thụ đồ gỗ nội ngoại thất tăng dần theo tốc độ xây dựng và tại rất nhiều phân khúc giá cả, tạo nên một thị trường đa dạng và lâu dài.

Với nhiều FTA đã được ký kết trong thời gian qua, năm 2018 sẽ là dấu mốc để những FTA này có hiệu lực. Đặc biệt, FTA Việt Nam ký kết với EU sẽ mở ra thị trường lớn của 28 quốc gia. Cùng với đó, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cũng sẽ tác động tích cực tới ngành chế biến, xuất khẩu gỗ. Để chuẩn bị cho hiệp định này, nhiều nước trong khối đã sang làm việc với ngành gỗ, triển vọng khá rộng mở.

C. Đánh giá kết quả đạt được năm 2018

"... Vấn đề của Gỗ Trường Thành nằm ở tồn kho gỗ nguyên liệu, tồn kho thành phẩm; các loại chi phí; các khoản đầu tư ra ngoài ở công ty con, công ty liên kết..."

1. Phân tích tổng quan

Nhân sự:

Bước đầu hoàn thành cơ cấu bộ khung nhân sự vững chắc hướng đến sự phát triển bền vững của công ty.

Sản xuất- Kinh doanh:

Tình hình tài chính năm 2018 được cải thiện mạnh mẽ, thể hiện qua các số liệu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Tăng	Giảm
1	Nợ phải trả		577,9 tỷ
2	Nợ vay		395,3 tỷ
3	Hàng tồn kho		556,7 tỷ
4	Tiền và tương đương tiền	87,5 tỷ	

Nhờ tình hình tài chính ổn định, dòng ngân lưu được đảm bảo (+ 87,5 tỷ so với -47,5 tỷ của năm 2017), công ty mở rộng phân xưởng, đầu tư máy móc (khoảng 36,8 tỷ) để đáp ứng yêu cầu các đơn hàng trong và ngoài nước liên quan các mảng sản phẩm đa dạng như: Đồ rời, nội thất liền tường...

Ban thanh lý hàng tồn kho tích cực xử lý lượng hàng tồn kho lâu năm không phù hợp phẩm chất cho các đơn hàng sản xuất.

Ngoài ra, đánh giá và thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả. Chi tiết:

Stt	Công ty	Tính chất
1	Cty CP Phú Hữu Gia	Liên kết
2	Cty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành	Liên kết
3	Cty CP TM XNK Trường Thành ĐẮK Nông	Cty con
4	Cty CP Lâm nghiệp Trường Thành ĐẮK Nông	Cty con
5	Cty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Cty con

Do việc xử lý các vấn đề tồn đọng, doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch đã đề ra. Lý do cụ thể:

- Giá vốn tăng cao đối với hàng dở dang thi công công trình, và do việc trích lập các khoản dự phòng hàng tồn kho;

- Chi phí tài chính tăng từ lỗi hoạt động chuyển nhượng vốn;

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh do phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Quản trị doanh nghiệp:

- Ban hành mục tiêu chất lượng 2019
1. Hoàn thành 100% kế hoạch sản xuất, kinh doanh của công ty;
 2. Thỏa mãn yêu cầu của khách hàng bao gồm chất lượng và tiến độ tối thiểu 97%;
 3. Cải tiến, áp dụng 100% quy trình, quy định nhất quán với SAP-ERP nhằm duy trì hệ thống quản lý chất lượng;
 4. Hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao năng lực cán bộ nhân viên.

Triển khai và vận hành thành công dự án SAP-ERP.



Một buổi đào tạo & kiểm thử hệ thống SAP ERP

Với SAP-ERP, giá trị mang lại cho doanh nghiệp:

- Hệ thống quản trị vững vàng theo tiêu chuẩn quốc tế, giúp tối đa hóa mức độ trao đổi thông tin, cải tiến và theo dõi chặt chẽ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm thiểu chi phí do loại bỏ được các công việc/quy trình thừa, từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh, từng bước nâng cao vị thế của doanh nghiệp;

- Hoạch định, quản lý thống nhất, minh bạch tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tăng cường khả năng kiểm soát, quản lý và minh bạch thông tin tài chính;

- Với mục tiêu nâng tầm phát triển dài hạn TTF, SAP ERP đáp ứng nhu cầu quản trị mới cùng với quyết tâm nâng cao năng suất làm việc của đội ngũ nhân viên có trình độ, nhiệt huyết với công ty.

- Với nhiều dự án trải dài từ Bắc vào Nam SAP ERP là một công cụ hỗ trợ đắc lực đánh giá dự án nào tốt và khả thi. Bên cạnh đó, với số lượng hàng hóa sản xuất tăng lên mỗi ngày và mẫu mã đa dạng, SAP ERP đáp ứng được quy mô hoạt động lần mở rộng sau này.

5.2. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. Đánh giá Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động

Tổng kết năm 2018, Công ty kinh doanh không đạt doanh thu và lợi nhuận đặt ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đề ra. Cụ thể số liệu như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Kế hoạch	So sánh với kế hoạch
Doanh thu thuần	1.044.950	1.517.521	76,64%
Lợi nhuận gộp	(413.472)	318.680	(149,76%)
Tỉ lệ doanh thu trên giá vốn	(139.57%)	79.00%	
Doanh thu hoạt động tài chính	17.572	9.481	270,46%
Chi phí tài chính	106.110	102.418	78,97%
Chi phí bán hàng	20.638	18.210	163,25%
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	429.987	112.145	359,48%
Lợi nhuận thuần	(950.176)	95.388	(5.581,06%)
Lợi nhuận sau thuế	(804.700)	76.611	(34.330,20%)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(715.162)		(6.660,72%)
EPS	(3.333)		

B. Đánh giá Hội đồng quản trị về mặt hoạt động của Ban Tổng giám đốc

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn năm 2018. Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra cũng được Ban Tổng Giám đốc triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.





Phần 6 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Giới thiệu Hội đồng quản trị.....	61
Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	63
Hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ.....	68

6.1. GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1.1. Chủ tịch HĐQT

Ông **Hồ Anh Dũng**

Ngày đầu tiên được bổ nhiệm: 04/04/2017

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế Quốc dân
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

- 2004-2007 Chuyên viên thanh tra cục Thuế Hà Nội
- 2007-2010 Giữ các vị trí Trợ lý Chủ tịch Tập đoàn và Phó Giám đốc chi nhánh FPT Telecom;
- 2010-2014 Bộ phận Khách hàng tổ chức MB Securities
- 2014-đến nay: Giữ các vị trí Trưởng phòng phân tích chứng khoán, phó Tổng Giám đốc và hiện giữ vị trí Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán quốc gia;
- 03/2019: thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SAM Holdings;
- 04/2017 đến nay là Chủ tịch HĐQT công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: không



1.2. Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Ông **Mai Hữu Tín**

Ngày đầu tiên được bổ nhiệm: 04/04/2017

Trình độ chuyên môn:

- Tiến sĩ Quản trị kinh doanh tại Mỹ

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

- 1988: Phiên dịch viên (Tiếng Anh) Liên hiệp Công ty Xuất nhập khẩu Sông Bé
- 1988: Sáng lập và điều hành Công ty Cổ phần Đầu Tư U&I. Giữ các chức vụ Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc tại các công ty: Các công ty thuộc tập đoàn U&I; Công ty cổ phần Tầm Nhìn Xanh; Công ty cổ phần Địa Ốc Trung tâm; Công ty cổ phần Trường Xuân Thịnh; Công ty cổ phần Vật tư Nông Nghiệp Bình Dương; Công ty cổ phần Agramat Bình Dương; Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Toàn Mỹ; Công ty cổ phần Nội thất Việt...

- 04/2017 đến nay là Tổng Giám Đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: không



1.3. Thành viên HĐQT

Ông **Vũ Xuân Dương**

Ngày đầu tiên được bổ nhiệm: 04/05/2017

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Đại học Bách Khoa Tp.Hồ Chí Minh

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

- 1998-2000: Nhân viên Công ty TM- Đầu Tư và Phát triển Bicamex
- 2000: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư U&I (Unigroup)
- Từ tháng 04/2017 đến nay là thành viên HĐQT công ty Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 7 triệu cổ phần tương đương 3,26%



1.4. Thành viên HĐQT:

Ông **Vũ Tuấn Hoàng**

Ngày đầu tiên được bổ nhiệm: 04/05/2017

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế ngoại thương Đại học Ngoại Thương Hà Nội

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

- 1996: Chuyên viên Công ty XNK Packsimex
- 1998-2009: Trưởng văn phòng đại diện Công ty Phoenix Hồng Kông
- 2010-2014: Phó tổng Giám đốc công ty Cổ phần Kim Giang
- Từ tháng 04/2017 đến nay là thành viên HĐQT công ty Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: không



1.5. Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc thường trực

Ông **Nguyễn Trọng Hiếu**

Ngày đầu tiên được bổ nhiệm: 25/10/2018

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư xây dựng
- Tốt nghiệp MBA đại học Sejong, Seoul, Hàn Quốc

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

- 2009: Trưởng chi nhánh Công ty CP Sữa Đà Lạt;
- 2011-4/2013: CEO Công ty TNHH Redamco-CN Bình Dương;
- 5/2015-7/2013: Trợ lý giám đốc Công ty CP Xây dựng và TM TTT;
- 8/2013: Giám đốc Công ty cổ phần nội thất Gamma;
- 4/2017: Phó TGD thường trực Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành;
- 10/2018: Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành;

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: không

6.2. HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

“...cắt giảm chi phí và tăng giá trị tài sản, giảm thiểu rủi ro liên quan tới các khoản đầu tư, thúc đẩy hoạt động sản xuất và hiệu quả kinh doanh, cũng như phát triển thương hiệu, tạo dựng niềm tin đối với Cổ đông...”

Tại Gổ Trường Thành, nhằm quản trị công ty được hiệu quả, cắt giảm chi phí và tăng giá trị tài sản, giảm thiểu rủi ro liên quan tới các khoản đầu tư, thúc đẩy hoạt động sản xuất và hiệu quả kinh doanh, cũng như phát triển thương hiệu, tạo dựng niềm tin đối với Cổ đông, Công ty đã xây dựng những cơ chế, quy định thông qua đó công ty được điều hành và kiểm soát một cách tốt nhất, tạo lập khuôn khổ cho các mối quan hệ giữa các cổ đông, Hội đồng quản trị và những người có liên quan khác qua đó đưa ra các trình tự thủ tục ban hành các quyết định nhằm tránh những sự lạm quyền và rủi ro cho công ty.

Quy chế Quản trị nội bộ do HĐQT soạn thảo và được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018. Quy chế quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty.

Quy chế này được xây dựng theo Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, nhằm cụ thể hóa các vấn đề quản trị nội bộ công ty, bao gồm chủ yếu các vấn đề liên quan đến:

- Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông;
- Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị;
- Trình tự và thủ tục tổ chức họp hội đồng quản trị;
- Thành lập và hoạt động của ban kiểm toán nội bộ;
- Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
- Phối hợp giữa hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc;
- Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc;
- Ngăn ngừa xung đột lợi ích



Trong năm 2018, HĐQT đã tiến hành nhiều buổi họp và thông qua nhiều nội dung quan trọng sau:

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018 của Tập đoàn và trình ĐHĐCĐ;
- Thông qua phương án sáp nhập Công ty cổ phần Sứ Thiên Thanh bằng phương án phát hành cổ phiếu hoán đổi được ĐHĐCĐ đồng ý tại phiên họp ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 25/10/2018;
- Thường xuyên chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính doanh nghiệp, đạt các mục tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các qui định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định của pháp luật hiện hành;
- Đánh giá và hỗ trợ các hoạt động trong công tác điều hành về các mặt: đầu tư, tài chính, marketing, bán hàng, nguồn nhân lực, sản xuất và chất lượng thông qua các báo cáo định kỳ của Ban điều hành;
- Và nhiều quyết định quan trọng khác.

THÔNG TIN VỀ SỰ THAY ĐỔI CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2018

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hồ Anh Dũng	Chủ tịch	14/04/2017	20/20	100%	
2	Ông Mai Hữu Tín	Phó chủ tịch	14/04/2017	20/20	100%	
3	Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên	04/05/2017	19/20	95%	Vắng mặt và ủy quyền cho CT HĐQT Ông Hồ Anh Dũng
4	Ông Vũ Xuân Dương	Thành viên	04/05/2017	19/20	95%	Vắng mặt và ủy quyền cho Ông Mai Hữu Tín
5	Ông Hà Hoàng Thế Quang	Thành viên	04/05/2017-06/09/2018	11/20	55%	Vắng mặt 3 lần, ủy quyền cho CT HĐQT - Ông Hồ Anh Dũng và từ nhiệm kể từ ngày 06/09/2018
6	Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	06/09/2018	6/20	30%	Bổ nhiệm mới kể từ ngày 06/09/2018

TỔNG HỢP CÁC NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH NĂM 2018

a. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2018, Công ty có tổ chức 01 cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông và 01 cuộc họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	08/2018/NQ-ĐHĐCĐ	27/4/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Ban Tổng giám đốc và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; - Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2017 và kế hoạch hoạt động Hội đồng quản trị năm 2018; - Thông qua Báo cáo của Ban kiểm toán nội bộ; - Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán; - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Ban Tổng giám đốc và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; - Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2017 và kế hoạch hoạt động Hội đồng quản trị năm 2018; - Thông qua Báo cáo của Ban kiểm toán nội bộ; - Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán; - Thông qua phân phối lợi nhuận 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018; chi trả thù lao HĐQT năm 2017 và đề xuất mức thù lao năm 2018; - Thông qua ủy quyền cho HĐQT chọn thời điểm ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy định chi tiết thành lập các Tiểu ban thuộc HĐQT; - Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2017; - Thông qua việc thay đổi tên Công ty và ủy quyền cho HĐQT chọn thời điểm và triển khai thực hiện việc đổi tên công ty; - Thông qua ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty; - HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc xây dựng phương án và thực hiện xử lý các khoản phải thu khó đòi, hàng tồn kho và các khoản đầu tư ngoài nhà máy chính.
2	22/2018/NQ-ĐHĐCĐ	25/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Tờ trình Phương án nhận sáp nhập, Phương án phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi và các vấn đề khác có liên quan; - Thông qua Tờ trình bản Dự thảo Hợp đồng sáp nhập; - Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và đề nghị bầu bổ sung thành viên HĐQT; - Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty năm 2018; - Thông qua Báo cáo về việc thay đổi tên Công ty.

b. Nghị quyết HĐQT

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ-HĐQT	11/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT thống nhất tình hình sử dụng vốn thu tiền từ đợt phát hành 700 tỷ và kế hoạch sử dụng tiền; - HĐQT thống nhất tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2017, cả năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; - Thành lập các tiểu ban Nhân sự; tiểu ban thi đua khen thưởng – kỷ luật trực thuộc HĐQT;
2	02/2018/NQ-HĐQT	02/03/2018	- Thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành và Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành EAH'LEO tại Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia.
3	03/2018/NQ-HĐQT	06/04/2018	- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
4	04/2018/NQ-HĐQT	06/04/2018	- Thông qua việc xử lý cổ phiếu quỹ.
5	05/2018/NQ-HĐQT	06/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. - Thông qua việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Trường Thành.
6	06/2018/NQ-HĐQT	27/04/2018	- Thông qua việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Trường Thành.
7	07/2018/NQ-HĐQT	27/04/2018	- Thảo luận về việc thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả ngoài nhà máy chính, xử lý hàng tồn kho và các khoản phải thu khó đòi
8	09/2018/NQ-HĐQT	11/05/2018	- Thông qua việc chuyển nhượng một phần vốn góp Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành tại Công ty Trường Thành Xanh.
9	10/2018/NQ-HĐQT	11/05/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018; - Thành lập ban thanh lý; - Quy định thanh lý.
10	11/2018/NQ-HĐQT	11/06/2018	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
11	12/2018/NQ-HĐQT	06/07/2018	- Thống nhất về việc xin miễn giảm một phần hoặc toàn bộ phần nợ lãi vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đông Á, CN Bình Dương (DAB) và lộ trình thanh toán dư nợ vay tại DAB.
12	13/2018/NQ-HĐQT	30/07/2018	- HĐQT thống nhất tiến hành thủ tục nộp tiền thuê đất một lần cho nhà nước đối với các tài sản là quyền sử dụng đất/thuê đất tại nhà máy chính theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6.3. HOẠT ĐỘNG TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2018

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
13	14/2018/NQ-HĐQT	01/08/2018	- Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2018; - Báo cáo tiến trình thực hiện thanh lý hàng tồn kho; - Thảo luận về phương án phát hành tăng vốn; - Báo cáo tình hình hoạt động các Công ty con; - Bổ nhiệm nhân sự phụ trách quản trị công ty.
14	15/2018/NQ-HĐQT	08/08/2018	- HĐQT thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Ngọc giữ chức vụ Người phụ trách quản trị công ty kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị, kể từ ngày 07/08/2018.
15	15/2018/NQ-HĐQT	06/09/2018	- Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Hà Hoàng Thế Quang theo đơn từ nhiệm được gửi đến công ty; - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Trọng Hiếu, Phó Tổng giám đốc thường trực của Công ty, làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế Ông Hà Hoàng Thế Quang theo đơn từ nhiệm.
16	16/2018/NQ-HĐQT	06/09/2018	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành để triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường 2018.
17	17/2018/NQ-HĐQT	14/09/2018	- Hội đồng quản trị thống nhất tái bổ nhiệm Ông Lê Văn Minh đảm nhận chức danh Giám đốc tài chính Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành với thời hạn 1 năm kể từ ngày 14/09/2018.
18	18/2018/NQ-HĐQT	18/09/2018	- Hội đồng quản trị thống nhất việc tăng vốn điều lệ bằng bằng phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Sứ Thiên Thanh (“STT”).
19	19/2018/NQ-HĐQT	19/09/2018	- Hội đồng quản trị thống nhất việc ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc xử lý các công việc liên quan với Cơ quan điều tra C01 (C44 cũ), PC44 Bình Dương và gia đình Ông Võ Trường Thành, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông TTF và có nhiệm vụ báo cáo lại HĐQT kết quả làm việc.
20	20/2018/NQ-HĐQT	10/10/2018	- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 + Thời gian dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2018; + Nội dung chương trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 dự kiến.
21	22/2018/NQ-HĐQT	13/11/2018	- Thông qua kế hoạch triển khai chào bán cổ phiếu để hoán đổi + Mục đích chào bán + Phương án chào bán cổ phiếu.

Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT gồm có 03 thành viên, trong đó:

Ông Nguyễn Đình Khoa
Phó ban

Bà Nguyễn Thị Xuân Thu
Thành viên

Bà Phạm Thị Yến Nhi
Thành viên

Trong năm 2018, Tiểu ban Kiểm toán đã tổ chức 4 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của cả 3 thành viên. Ngoài ra còn có nhiều cuộc họp khác theo các chủ đề riêng biệt với sự tham gia của các thành viên có liên quan. Sau mỗi cuộc họp cũng như kết thúc năm tài chính 2018, Tiểu ban Kiểm toán đã thực hiện tổng hợp và báo cáo kết quả hoạt động lên HĐQT.

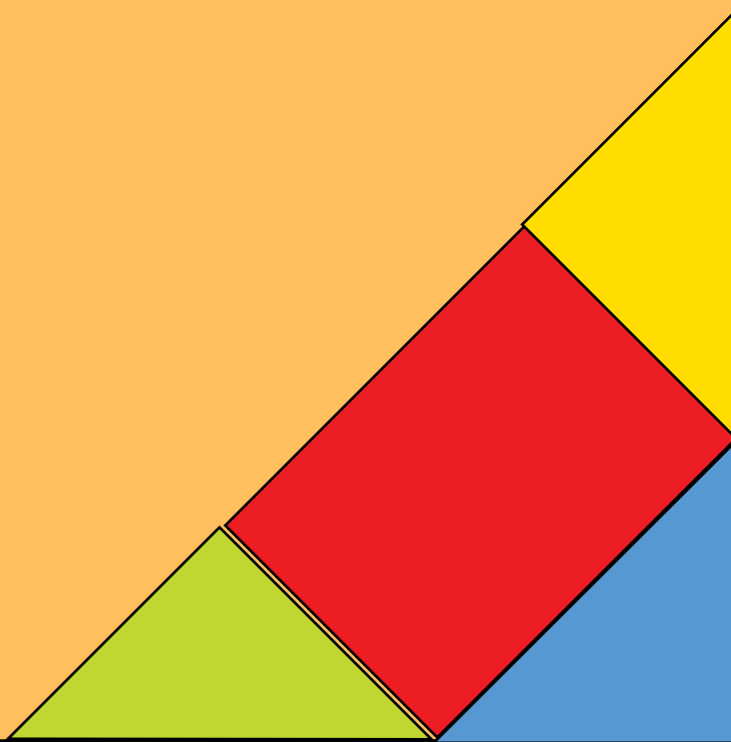
Năm 2018 đã có sự cải tiến trong phương pháp làm việc, theo đó Tiểu ban thực hiện vai trò giám sát cả trước, trong và sau mỗi kỳ báo cáo quý, kỳ giám sát quý. Đây là một quá trình giám sát liên tục, chú trọng vào việc cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, phòng ngừa rủi ro trên tất cả các lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi giám sát.

Ngoài ra, Tiểu ban thường xuyên cập nhật các qui định mới của chính phủ liên quan hoạt động kiểm toán nội bộ tại các công ty đại chúng, bồi dưỡng và bổ sung thêm các kiến thức nhằm đảm bảo năng lực hòa cùng với nhịp phát triển của công ty.



Phần 7 **BÁO CÁO TÀI CHÍNH** **ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Ý kiến của Kiểm toán	71
Báo cáo tài chính đã kiểm toán.....	73



7.1. Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”), được lập ngày 5 tháng 4 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 55, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo..

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn..

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến

hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

7.2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

(được đăng tải trên website công ty www.truongthanh.com và đính kèm tài liệu này)



HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Trụ sở chính: Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Yên Hưng, Thị xã Tân Uyên, T.Bình Dương
Điện thoại: (0274) 3 642 004/005 - Fax: (0274) 3642 006
Website: www.truongthanh.com - Email: contact@truongthanh.com

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ
Trường Thành**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 55

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TTF theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 1 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ nội thất và ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các sản phẩm khác; trồng rừng và xây dựng các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện đăng ký tại 235/44 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Anh Dũng	Chủ tịch	
Ông Mai Hữu Tín	Phó Chủ tịch	
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên	
Ông Vũ Xuân Dương	Thành viên	
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2018
Ông Hà Hoàng Thế Quang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2018

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Khoa	Thành viên
Bà Phạm Thị Yến Nhi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Xuân Thu	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Hữu Tín	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Minh	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Mai Hữu Tín.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc của Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Giám đốc:

Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Số tham chiếu: 61270704/20188833-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 5 tháng 4 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 55, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

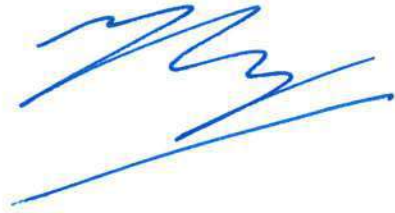
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1



Nguyễn Quốc Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.051.559.741.237	3.336.938.345.500
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	151.487.577.838	63.970.140.506
111	1. Tiền		66.693.018.398	49.861.119.946
112	2. Các khoản tương đương tiền		84.794.559.440	14.109.020.560
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		77.126.131.229	89.864.100.172
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	77.126.131.229	89.864.100.172
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		750.645.418.808	1.537.054.358.644
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	551.540.792.046	797.378.485.686
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	65.895.503.503	115.732.577.410
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	8	440.717.242.582	646.080.325.874
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	49.819.350.307	115.271.015.335
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	10	48.246.878.270	53.207.666.768
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8, 9, 10	(405.574.347.900)	(190.615.712.429)
140	IV. Hàng tồn kho	12	1.055.860.655.684	1.612.635.401.657
141	1. Hàng tồn kho		1.397.627.052.923	1.694.379.488.055
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(341.766.397.239)	(81.744.086.398)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.439.957.678	33.414.344.521
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	5.436.919.478	3.626.672.593
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	7.662.375.998	26.381.738.847
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	3.340.662.202	3.405.933.081
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		728.625.702.310	829.546.884.837
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		38.712.802.000	36.667.707.626
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	38.312.802.000	35.800.137.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	400.000.000	867.570.626
220	II. Tài sản cố định		297.443.076.214	455.671.751.349
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	280.633.004.037	442.141.867.418
222	Nguyên giá		538.326.132.962	723.827.293.378
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(257.693.128.925)	(281.685.425.960)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	16.810.072.177	13.529.883.931
228	Nguyên giá		30.814.752.416	26.102.960.344
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.004.680.239)	(12.573.076.413)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		16.869.913.228	51.891.059.954
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	16.869.913.228	51.891.059.954
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		141.644.090.616	201.222.775.058
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	17	92.453.305.850	191.059.990.292
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17	11.546.634.766	279.784.766
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17	(4.266.850.000)	-
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	41.911.000.000	9.883.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		233.955.820.252	84.093.590.850
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	8.300.031.526	84.093.590.850
268	2. Tài sản dài hạn khác	22	225.655.788.726	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.780.185.443.547	4.166.485.230.337

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.760.472.356.783	3.338.441.984.111
310	I. Nợ ngắn hạn		2.028.454.915.272	2.811.269.918.966
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18.1	162.857.384.436	327.522.843.221
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18.2	1.392.995.804.661	1.663.130.548.990
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	25.691.731.159	23.481.665.655
314	4. Phải trả người lao động		32.266.615.773	35.371.105.786
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	231.364.581.250	310.642.788.030
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	42.889.636.128	53.126.042.220
320	7. Vay ngắn hạn	23	137.868.155.322	396.058.475.355
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		621.656.834	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.899.349.709	1.936.449.709
330	II. Nợ dài hạn		732.017.441.511	527.172.065.145
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	24.794.941.473	25.187.188.645
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	342.445.500.407	-
338	3. Vay dài hạn	23	362.853.767.131	500.000.000.000
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		1.923.232.500	1.984.876.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		19.713.086.764	828.043.246.226
410	I. Vốn chủ sở hữu		19.681.351.510	828.011.510.972
411	1. Vốn cổ phần	24.1	2.146.078.400.000	2.146.078.400.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.146.078.400.000	2.146.078.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	63.607.862.467	63.607.862.467
415	3. Cổ phiếu quỹ	24.1	(552.965.000)	(552.965.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	17.170.909.622	17.170.909.622
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	24.1	8.963.110	8.963.110
421	6. Lỗ lũy kế	24.1	(2.122.043.393.492)	(1.406.881.398.340)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(1.406.881.398.340)	(1.417.618.019.750)
421b	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(715.161.995.152)	10.736.621.410
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24.5	(84.588.425.197)	8.579.739.113
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		31.735.254	31.735.254
431	1. Nguồn kinh phí		31.735.254	31.735.254
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.780.185.443.547	4.166.485.230.337

Huỳnh Thị Mộng Diễm
Người lập

Mai Thanh Bình
Kế toán trưởng

Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc



Ngày 5 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.045.253.381.856	1.363.703.677.340
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(303.821.508)	(304.749.239)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.044.949.560.348	1.363.398.928.101
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(1.458.421.289.537)	(1.087.317.361.943)
20	5. (Lỗ) lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(413.471.729.189)	276.081.566.158
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	17.572.363.899	6.497.443.408
22	7. Chi phí tài chính	27	(106.110.060.483)	(134.374.765.557)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(85.462.172.900)	(129.952.729.394)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		2.458.445.101	1.077.229.112
25	9. Chi phí bán hàng	28	(20.638.122.859)	(12.641.915.037)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(429.987.277.928)	(119.614.256.637)
30	11. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(950.176.381.459)	17.025.301.447
31	12. Thu nhập khác	29	156.648.110.311	9.064.424.862
32	13. Chi phí khác	29	(11.171.941.878)	(23.619.992.740)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	145.476.168.433	(14.555.567.878)
50	15. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(804.700.213.026)	2.469.733.569
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	-	(125.438.084)
60	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(804.700.213.026)	2.344.295.485

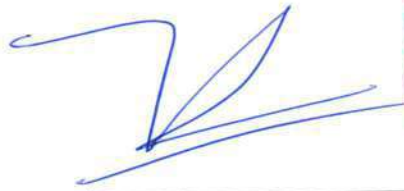
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	18. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(715.161.995.152)	10.736.621.410
62	19. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(89.538.217.874)	(8.392.325.925)
70	20. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.4	(3.333)	73
71	21. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.4	(3.333)	73



Huỳnh Thị Mộng Diễm
Người lập



Mai Thanh Bình
Kế toán trưởng



Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(804.700.213.026)	2.469.733.569
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	13, 14	42.268.781.812	44.533.438.853
03	Các khoản dự phòng		479.807.809.146	13.205.471.798
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(842.025.900)	502.372.080
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		5.082.208.716	(2.596.023.629)
06	Lãi từ miễn một phần gốc vay Chi phí lãi vay	27	(137.146.232.869) 85.462.172.900	- 129.952.729.394
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(330.067.499.221)	188.067.722.065
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		284.057.026.620	(673.022.395.766)
10	Giảm hàng tồn kho		296.752.435.132	159.516.907.096
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(211.525.655.436)	475.788.879.340
12	Giảm chi phí trả trước		7.812.757.803	10.853.690.147
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.281.467.167)	(58.662.459.407)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(394.048.867)	(106.421.786)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	55.350.000
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		29.353.548.864	102.491.271.689
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(16.868.662.094)	(22.337.692.920)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		2.783.281.115	1.374.500.875
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi kỳ hạn		(130.284.622.309)	(197.648.554.812)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi kỳ hạn		110.594.591.252	3.601.440.784
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(200.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		87.730.000.000	10.966.538.021
27	Tiền thu lãi tiền gửi và lãi cho vay		10.018.235.686	3.055.790.541
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		63.772.823.650	(200.987.977.511)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	699.857.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		-	460.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.600.000.000)	(1.108.908.537.135)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(5.600.000.000)	50.948.462.865
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		87.526.372.514	(47.548.242.957)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		63.970.140.506	111.535.899.520
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.935.182)	(17.516.057)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	151.487.577.838	63.970.140.506


Huỳnh Thị Mộng Diễm
Người lập


Mai Thanh Bình
Kế toán trưởng



Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty, với mã chứng khoán là TTF, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 1 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ nội thất và ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các sản phẩm khác; trồng rừng và xây dựng các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng đại diện đăng ký tại 235/44 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng, trừ hoạt động trồng rừng có chu kỳ sản xuất, kinh doanh dự kiến từ 8 đến 12 năm.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.168 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.930).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có chín (9) công ty con như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Ngành nghề	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Quyền biểu quyết của Công ty (%)
1. Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Phú Yên	Trồng rừng	99,98	99,98
2. Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Đắk Lắk	Trồng rừng	99,97	99,97
3. Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Đắk Lắk	Sản xuất đồ gỗ	70,00	70,00
4. Công ty Cổ phần Trường Thành	Đắk Lắk	Sản xuất đồ gỗ	70,00	70,00
5. Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	Đắk Lắk	Trồng rừng	46,07	79,89
6. Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrắk	Đắk Lắk	Sản xuất đồ gỗ	90,25	90,25
7. Công ty Cổ phần Nông Lâm Công nghiệp Trường An	Đắk Lắk	Trồng rừng	85,34	85,37
8. Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành – Phước An	Đắk Lắk	Sản xuất vật liệu xây dựng	36,08	51,55
9. Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành – Ea H'leo	Đắk Lắk	Khu công nghiệp	100,00	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có hai (2) công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Địa điểm	Ngành nghề	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Quyền biểu quyết của Công ty (%)
1. Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJl	Phú Yên	Trồng rừng	51,00	51,00
2. Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Bao bì	43,76	43,76

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Như được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 804.700.213.026 VND và cũng tại ngày này, gánh chịu khoản lỗ lũy kế với số tiền là 2.122.043.393.492 VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Nhóm Công ty đã trình bày các khoản vay ngân hàng đã quá hạn phải hoàn trả với số tiền là 137.868.155.322 VND tại Thuyết minh số 23.2 của báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuy nhiên, tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư tài khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn có tổng số tiền là 1.032.336.527.786 VND thể hiện số tiền được ứng trước theo Thỏa thuận Nguyên tắc ngày 15 tháng 5 năm 2017 (Thuyết minh số 18.2) và sẽ được cần trừ trong vòng năm (5) năm. Đồng thời, Ban Giám đốc Nhóm Công ty đã thu xếp được nguồn tiền để thanh toán khoản vay ngân hàng đã quá hạn và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã đệ trình hồ sơ phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sứ Thiên Thanh lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Thuyết minh số 4) và đang chờ phê duyệt. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng đã xây dựng kế hoạch dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong tương lai gần nhờ vào các đơn đặt hàng đến từ các dự án lớn của các đối tác trong và ngoài nước. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc Nhóm Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục hoàn toàn phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Giả định hoạt động liên tục (tiếp theo)

Vi vậy, báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục và việc phân loại các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Nhóm Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập trên cơ sở dự đoán các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như nêu trên.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty (công ty mẹ) và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lỗ lũy kế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản, bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Nhóm Công ty nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 30 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Tài sản khác	20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích hao mòn theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được trích hao mòn.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc sửa chữa văn phòng, nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.11 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Thu nhập cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu hợp đồng thi công lắp đặt

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt không thể được ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng cung cấp và lắp đặt đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng cung cấp và lắp đặt trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.19 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hóa và dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (“Phú Hữu Gia”)

Vào ngày 2 tháng 3 năm 2018, Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành, công ty con của Công ty, đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tương đương với 41,97% tỷ lệ sở hữu trong Phú Hữu Gia. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi là 1.795.390.711 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Thuyết minh số 25.2*).

4.2 Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành (“NLN Trường Thành”)

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2018, Nhóm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tương đương với 26,59% tỷ lệ sở hữu trong NLN Trường Thành. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lỗ là 15.130.520.254 VND từ việc chuyển nhượng này vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Thuyết minh số 27*).

4.3 Giải thể Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành Đăk Nông (“Lâm nghiệp Đăk Nông”), Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (“Kỹ nghệ Gỗ”) và Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Thành Đăk Nông (“XNK Đăk Nông”)

Trong năm, Lâm nghiệp Đăk Nông, Kỹ nghệ Gỗ và XNK Đăk Nông đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để giải thể hoạt động. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi là 3.600.304.710 VND từ việc giải thể các công ty con này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Thuyết minh số 25.2*).

4.4 Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sứ Thiên Thanh (“Sứ Thiên Thanh”)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 1/2018/NQ-ĐHĐCĐBT-TTF ngày 25 tháng 10 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 22/2018/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 11 năm 2018, Cổ đông và Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu Sứ Thiên Thanh với tỷ lệ 1:8,21. Theo đó, Nhóm Công ty dự kiến sẽ phát hành thêm 96.590.469 cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Sứ Thiên Thanh.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã đệ trình hồ sơ phát hành cổ phiếu nêu trên lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đang chờ được phê duyệt.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	173.968.380	1.908.171.692
Tiền gửi ngân hàng	66.519.050.018	47.952.948.254
Các khoản tương đương tiền (*)	84.794.559.440	14.109.020.560
TỔNG CỘNG	151.487.577.838	63.970.140.506

(*) Bao gồm trong các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng. Trong đó, khoản tiền gửi với số tiền là 36.299.170.824 VND được Nhóm Công ty sử dụng để ký quỹ cho việc bảo lãnh thực hiện các hợp đồng thi công lắp đặt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

	Năm nay	VND Năm trước
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ:		
Sử dụng tài sản cố định hữu hình để cán trừ khoản vay ngắn hạn và chi phí lãi vay phải trả	(159.485.234.090)	-
Sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất để cán trừ khoản vay ngắn hạn và chi phí lãi vay phải trả	(66.170.554.636)	-
Chênh lệch phát sinh từ việc sử dụng tài sản để cán trừ nợ vay	(116.789.711.681)	-
Phải trả lãi vay	89.855.180.374	-
Cán trừ nợ vay bằng tài sản	252.590.320.033	-
Lãi từ giảm một phần nợ vay	(137.146.232.869)	-
Giảm một phần nợ vay	137.146.232.869	-

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	77.126.131.229	89.864.100.172
Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	41.911.000.000	9.883.000.000
TỔNG CỘNG	119.037.131.229	99.747.100.172

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới một (1) năm và hưởng lãi suất dao động từ 4,6% đến 7,4%/năm. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để ký quỹ cho việc bảo lãnh thực hiện các hợp đồng thi công lắp đặt.

(**) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên một (1) năm và hưởng lãi suất dao động từ 5,5% đến 6,5%/năm. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để ký quỹ cho việc bảo lãnh thực hiện các hợp đồng thi công lắp đặt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	551.502.618.171	794.563.572.002
- Ashley Furniture Industries, Inc.	64.874.410.500	64.874.410.500
- GME - Sanitaires Et Matériaux - Lapeyre	53.068.668.227	53.068.668.227
- Pier 1 imports (us) Inc	56.538.863.457	56.538.863.457
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam	20.948.842.623	103.817.548.776
- Khác	356.071.833.364	516.264.081.042
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	38.173.875	2.814.913.684
TỔNG CỘNG	551.540.792.046	797.378.485.686
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(296.552.851.971)	(134.314.091.971)
GIÁ TRỊ THUẦN	254.987.940.075	663.064.393.715

Bao gồm trong các khoản phải thu của khách hàng, các khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu về cho vay là số tiền 290.222.090.552 VND trước đây được các cổ đông cá nhân ("Nhóm cổ đông") đại diện Nhóm Công ty thực hiện việc thu hồi và đảm bảo khả năng thu hồi theo Thỏa thuận Thu hồi Công nợ ("Thỏa thuận") số 06/TTTHN/TTT và số 026/TTTHN/TTT ngày 25 tháng 12 năm 2017.

Tuy nhiên, vào ngày 29 tháng 6 năm 2018, Nhóm Công ty và Nhóm cổ đông đã thanh lý các Thỏa thuận. Theo đó, Nhóm cổ đông không còn nghĩa vụ hỗ trợ Nhóm Công ty thu hồi các khoản công nợ được quy định trong thỏa thuận. Vì vậy, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 279.154.147.372 VND.

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thương mại Giấy Hưng Thịnh	12.285.318.830	12.285.318.830
Công ty Cổ phần Vũ Tuấn	6.375.069.009	6.375.069.009
Công ty TNHH Xây dựng N.Đ.G	2.999.678.000	3.778.606.455
Công ty TNHH Lâm Nghiệp Phương Mai	-	24.874.230.764
Các nhà cung cấp khác	44.235.437.664	68.419.352.352
TỔNG CỘNG	65.895.503.503	115.732.577.410
Dự phòng các khoản trả trước khó đòi	(34.891.603.071)	(43.683.376.731)
GIÁ TRỊ THUẦN	31.003.900.432	72.049.200.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

7.3 Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi bao gồm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng, các khoản trả trước nhà cung cấp, các khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng, các khoản phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác. Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(190.615.712.429)	(179.526.147.372)
Dự phòng trích lập trong năm	(224.237.849.735)	(17.726.743.271)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	9.279.214.264	6.415.048.252
Giảm do thanh lý công ty con	-	222.129.962
Số cuối năm	<u>(405.574.347.900)</u>	<u>(190.615.712.429)</u>

8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Phát triển Thiên Niên Kỷ	93.142.370.813	-
Công ty Cổ phần Vinhomes (*)	79.280.475.243	-
Tập đoàn Vingroup - Công ty	63.805.379.440	33.565.238.738
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Đầu tư Việt Nam	59.901.886.946	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	51.743.308.728	68.882.628.469
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes (*)	-	103.679.817.985
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát ("Tân Liên Phát") (*)	-	60.654.017.186
Khác	92.843.821.412	379.298.623.496
TỔNG CỘNG	440.717.242.582	646.080.325.874
Dự phòng phải thu khó đòi	(8.648.976.794)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>432.068.265.788</u>	<u>646.080.325.874</u>

(*) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội ("Nam Hà Nội") đã nhận sáp nhập Tân Liên Phát và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes và sau sáp nhập, Nam Hà Nội đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinhomes.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu về cho các bên khác vay	49.819.350.307	103.158.140.070
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại DLC ("DLC") (**)	35.675.832.377	89.014.622.140
- Công ty TNHH Xây dựng Đồng Long	14.143.517.930	14.143.517.930
Phải thu về cho bên liên quan vay (*) (Thuyết minh số 32)	-	12.112.875.265
	<u>49.819.350.307</u>	<u>115.271.015.335</u>
Dài hạn		
Phải thu về cho bên liên quan vay (*) (Thuyết minh số 32)	38.312.802.000	35.800.137.000
TỔNG CỘNG	88.132.152.307	151.071.152.335
Dự phòng phải thu cho vay khó đòi	(49.722.928.469)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	38.409.223.838	151.071.152.335

(*) Đây là khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với lãi suất dao động từ 6,5% đến 6,7%/năm.

(**) Khoản phải thu từ việc cho DLC vay trước đây được một số cổ đông cá nhân đảm bảo khả năng thu hồi theo Cam kết Bảo lãnh số 02/2017/CKBL/TTF-CĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 89.014.622.140 VND.

Tuy nhiên, vào ngày 29 tháng 6 năm 2018, Nhóm Công ty và một số cổ đông cá nhân đã thanh lý Cam kết Bảo lãnh nói trên. Theo đó, các cổ đông này không còn bảo lãnh cho số tiền mà Công ty đã cho DLC vay trong trường hợp DLC không thực hiện thanh toán đúng thời hạn theo Hợp đồng Cho vay. Vì vậy, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản cho DLC vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 35.675.832.377 VND.

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay không lãi suất	21.391.962.070	22.615.232.561
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	8.368.640.202	7.983.571.411
Phải thu nhân viên	5.206.181.738	15.004.260.004
Khác	13.280.094.260	7.604.602.792
	<u>48.246.878.270</u>	<u>53.207.666.768</u>
Dài hạn		
Phải thu dài hạn khác	400.000.000	867.570.626
TỔNG CỘNG	48.646.878.270	54.075.237.394
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(15.757.987.595)	(12.618.243.727)
GIÁ TRỊ THUẦN	32.888.890.675	41.456.993.667
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	6.919.076.312	1.458.855.143
Phải thu khác từ bên khác	41.727.801.958	52.616.382.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ước tính	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ước tính	
Quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm	3.586.923.806	2.510.846.664	177.113.329	123.979.330	
Quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm	26.024.657.109	13.012.328.554	3.710.317.734	1.855.158.867	
Quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm	60.630.379	18.189.114	327.617.449	98.115.035	
Quá hạn thanh toán từ 3 năm trở lên	14.296.624.779	-	12.693.134.956	-	
Khả năng thu hồi thấp	377.146.876.159	-	175.784.782.193	-	
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng DLC	49.203.991.297	-	21.640.262.633	-	
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Lâm Nghiệp Minh Hoàng	13.962.773.540	-	17.285.307.356	-	
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam	7.943.732.586	-	48.588.535.012	-	
- Khác	306.036.378.736	-	88.270.677.192	-	
TỔNG CỘNG	421.115.712.232	15.541.364.332	192.692.965.661	2.077.253.232	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	507.823.898	-
Nguyên vật liệu	838.975.084.819	(107.251.789.678)	977.475.795.832	(51.609.679.366)
Công cụ, dụng cụ	1.787.749.008	(28.813.504)	3.324.634.350	(29.193.504)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	423.179.943.327	(162.748.967.058)	550.946.316.790	(20.895.571.389)
Chi phí dở dang hàng sản xuất	246.968.059.457	(148.344.289.377)	299.430.348.075	(3.085.590.397)
Chi phí dở dang công trình lắp đặt	72.090.338.076	(7.857.899.920)	74.435.701.010	(4.852.818.441)
Chi phí trồng rừng	104.121.545.794	(6.546.777.761)	143.580.267.705	(1.457.162.551)
Bất động sản	-	-	33.500.000.000	(11.500.000.000)
Thành phẩm	116.356.886.230	(58.505.621.093)	124.414.871.496	(7.819.255.375)
Hàng hóa	16.353.490.004	(13.231.205.906)	36.818.214.962	(1.390.386.764)
Hàng gửi đi bán	973.899.535	-	891.830.727	-
TỔNG CỘNG	1.397.627.052.923	(341.766.397.239)	1.694.379.488.055	(81.744.086.398)

Một phần giá trị hàng tồn kho đã được dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 23).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(81.744.086.398)	(79.850.309.619)
Dự phòng trích lập trong năm	(329.292.249.337)	(12.451.497.082)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	69.269.938.496	10.557.720.303
Số cuối năm	(341.766.397.239)	(81.744.086.398)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	393.887.617.423	291.940.425.114	23.974.349.277	14.024.901.564	723.827.293.378
Tăng trong năm					
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	70.754.000	32.214.538.884	-	-	32.285.292.884
Mua mới	-	4.692.688.198	1.148.480.000	1.652.902.909	7.494.071.107
Giảm trong năm					
Phân loại lại					
(Thuyết minh số 22)	(176.710.609.643)	(25.318.993.535)	(5.818.465.636)	(10.896.198.080)	(218.744.266.894)
Thanh lý	-	(1.678.832.346)	(1.428.548.055)	-	(3.107.380.401)
Xóa sổ	(98.008.902)	(108.305.900)	-	(525.192.797)	(731.507.599)
Giải thể công ty con	(1.310.728.097)	(1.308.399.633)	-	(78.241.783)	(2.697.369.513)
Số cuối năm	<u>215.839.024.781</u>	<u>300.433.120.782</u>	<u>17.875.815.586</u>	<u>4.178.171.813</u>	<u>538.326.132.962</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	24.667.245.470	27.987.058.668	4.785.538.870	3.321.087.166	60.760.930.174
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(124.946.311.688)	(136.455.253.938)	(15.928.171.585)	(4.355.688.749)	(281.685.425.960)
Tăng trong năm					
Khấu hao trong năm	(17.451.976.287)	(20.151.079.399)	(1.888.743.749)	(1.252.445.623)	(40.744.245.058)
Giảm trong năm					
Phân loại lại					
(Thuyết minh số 22)	51.687.051.819	3.262.280.641	1.812.654.956	2.497.045.388	59.259.032.804
Thanh lý	-	1.248.060.377	834.266.970	-	2.082.327.347
Xóa sổ	98.008.902	74.610.730	-	525.192.797	697.812.429
Giải thể công ty con	1.310.728.097	1.308.399.633	-	78.241.783	2.697.369.513
Số cuối năm	<u>(89.302.499.157)</u>	<u>(150.712.981.956)</u>	<u>(15.169.993.408)</u>	<u>(2.507.654.404)</u>	<u>(257.693.128.925)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>268.941.305.735</u>	<u>155.485.171.176</u>	<u>8.046.177.692</u>	<u>9.669.212.815</u>	<u>442.141.867.418</u>
Số cuối năm	<u>126.536.525.624</u>	<u>149.720.138.826</u>	<u>2.705.822.178</u>	<u>1.670.517.409</u>	<u>280.633.004.037</u>

Một số tài sản cố định đã được dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 23).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	1.458.632.000	843.700.000	6.070.371.464	17.730.256.880	26.102.960.344
Mua trong năm	-	-	4.804.725.000	-	4.804.725.000
Xóa sổ	-	-	(92.932.928)	-	(92.932.928)
Số cuối năm	<u>1.458.632.000</u>	<u>843.700.000</u>	<u>10.782.163.536</u>	<u>17.730.256.880</u>	<u>30.814.752.416</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	-	788.974.431	-	788.974.431
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	-	(530.950.000)	(3.078.324.112)	(8.963.802.301)	(12.573.076.413)
Hao mòn trong năm	-	(22.500.000)	(627.036.750)	(875.000.004)	(1.524.536.754)
Xóa sổ	-	-	92.932.928	-	92.932.928
Số cuối năm	-	<u>(553.450.000)</u>	<u>(3.612.427.934)</u>	<u>(9.838.802.305)</u>	<u>(14.004.680.239)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>1.458.632.000</u>	<u>312.750.000</u>	<u>2.992.047.352</u>	<u>8.766.454.579</u>	<u>13.529.883.931</u>
Số cuối năm	<u>1.458.632.000</u>	<u>290.250.000</u>	<u>7.169.735.602</u>	<u>7.891.454.575</u>	<u>16.810.072.177</u>

Quyền sử dụng đất lâu dài đã được dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án trồng Mắc ca	12.569.395.879	11.057.894.457
Chi phí xây dựng và mua sắm tài sản	4.300.517.349	40.833.165.497
TỔNG CỘNG	<u>16.869.913.228</u>	<u>51.891.059.954</u>

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	2.812.946.108	89.773.000
Công cụ, dụng cụ	2.443.912.685	3.060.838.586
Khác	180.060.685	476.061.007
	<u>5.436.919.478</u>	<u>3.626.672.593</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.848.582.557	8.330.789.938
Chi phí thuê đất (*)	1.917.726.994	69.634.310.348
Khác	2.533.721.975	6.128.490.564
	<u>8.300.031.526</u>	<u>84.093.590.850</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.736.951.004</u>	<u>87.720.263.443</u>

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện chi phí thuê đất trả trước phát sinh từ hợp đồng thuê đất số 1868/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương ("UBNDDB") ngày ngày 2 tháng 8 năm 2010 và các phụ lục sửa đổi bổ sung để thuê lại thửa đất số 905 có diện tích 4.417 m² tọa lạc tại Xã Bình Chuẩn, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương trong 49 năm. Theo đó, Nhóm Công ty đã thanh toán số tiền thuê là 2.477.053.600 VND và có được Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất ("GCNQSDĐ") ngày 9 tháng 11 năm 2009. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 1.917.726.994 VND.

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí thuê đất trong năm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	69.634.310.348	71.657.928.210
Phân bổ trong năm	(1.546.028.718)	(2.023.617.862)
Phân loại lại (Thuyết minh số 22)	(66.170.554.636)	-
Số cuối năm	<u>1.917.726.994</u>	<u>69.634.310.348</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 17.1)	92.453.305.850	191.059.990.292
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 17.2)	11.546.634.766	279.784.766
TỔNG CỘNG	103.999.940.616	191.339.775.058
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 17.2)	(4.266.850.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	99.733.090.616	191.339.775.058

17.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Giá trị còn lại			
	Tỷ lệ sở hữu %	Số cuối năm VND	Tỷ lệ sở hữu %	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI ("OJI")	51,00	92.453.305.850	51,00	90.069.119.478
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia ("Phú Hữu Gia") (*)	-	-	41,97	78.853.939.416
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành ("NLN Trường Thành") (**)	-	-	26,59	21.594.723.441
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành ("Bao bì")	43,76	-	43,76	542.207.957
TỔNG CỘNG		92.453.305.850		191.059.990.292

(*) Vào ngày 2 tháng 3 năm 2018, Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành, công ty con của Công ty, đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tương đương với 41,97% tỷ lệ sở hữu trong Phú Hữu Gia. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lỗ là 1.795.390.711 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 25.2).

(**) Vào ngày 15 tháng 5 năm 2018, Nhóm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tương đương với 26,59% tỷ lệ sở hữu trong NLN Trường Thành. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lỗ là 15.130.520.254 VND từ việc chuyển nhượng này vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 27).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết này như sau:

	OJI	Phú Hữu Gia	NLN Trường Thành	Bao bì	VND Tổng cộng
Giá trị đầu tư:					
Số đầu năm	94.930.473.000	82.680.000.000	23.525.000.000	2.000.000.000	203.135.473.000
Thanh lý	-	(82.680.000.000)	(23.525.000.000)	-	(106.205.000.000)
Số cuối năm	94.930.473.000	-	-	2.000.000.000	96.930.473.000
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên doanh, liên kết:					
Số đầu năm	(4.861.353.522)	(3.826.060.584)	(1.930.276.559)	(1.457.792.043)	(12.075.482.708)
Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	2.384.186.372	2.030.669.873	(1.414.203.187)	(542.207.957)	2.458.445.101
Thanh lý	-	1.795.390.711	3.344.479.746	-	5.139.870.457
Số cuối năm	(2.477.167.150)	-	-	(2.000.000.000)	(4.477.167.150)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	90.069.119.478	78.853.939.416	21.594.723.441	542.207.957	191.059.990.292
Số cuối năm	92.453.305.850	-	-	-	92.453.305.850

17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (*)	11.266.850.000	(4.266.850.000)	7.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Lidovit	279.784.766	-	279.784.766	279.784.766	-	279.784.766
TỔNG CỘNG	11.546.634.766	(4.266.850.000)	7.279.784.766	279.784.766	-	279.784.766

(*) Vào ngày 25 tháng 5 năm 2018, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 700.000 cổ phần, tương đương với 3,55% tỷ lệ sở hữu trong Phú Hữu Gia, từ Công ty TNHH Lâm Nghiệp Trường Vũ ("Trường Vũ") với tổng phí chuyển nhượng là 11.266.850.000 VND, trong đó số tiền 11.066.850.000 VND được căn trừ với khoản phải thu đối với Trường Vũ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

18.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp	154.424.728.645	318.759.149.507
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Lâm nghiệp Minh Hoàng	23.267.343.000	23.267.343.000
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Phương Mai	12.325.769.236	37.200.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nông Lâm Nghiệp Trường Sơn	6.098.779.600	22.565.698.183
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại DLC	-	54.046.365.064
- Khác	112.732.836.809	181.679.743.260
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>8.432.655.791</u>	<u>8.763.693.714</u>
TỔNG CỘNG	<u>162.857.384.436</u>	<u>327.522.843.221</u>

18.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vinhomes (**)	1.105.087.884.056	-
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần (**)	65.680.103.970	108.190.335.365
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	30.969.710.648	42.142.030.928
Công ty Cổ phần Vinpearl	26.623.031.382	56.142.572.799
Tân Liên Phát (*) (**)	-	1.105.826.606.735
Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	-	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes (*)	-	55.898.893.740
Khác	164.635.074.605	272.930.109.423
TỔNG CỘNG	<u>1.392.995.804.661</u>	<u>1.663.130.548.990</u>

(*) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nam Hà Nội đã nhận sáp nhập Tân Liên Phát và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes và sau sáp nhập, Nam Hà Nội đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinhomes.

(**) Theo Thỏa thuận Nguyên tắc ngày 15 tháng 5 năm 2017, Vingroup chỉ định Nhóm Công ty là nhà cung cấp chiến lược các sản phẩm gỗ thành phẩm phục vụ cho các dự án của Vingroup và các công ty con với tổng giá trị dự kiến lên đến 16.000.000.000.000 VND. Theo đó, cũng vào ngày này, Vingroup và Tân Liên Phát, công ty con của Vingroup, đã ký thỏa thuận đặt cọc với số tiền lần lượt là 70.419.180.876 VND và 1.032.336.527.786 VND.

Bao gồm trong khoản đặt cọc là số tiền 1.032.336.527.786 VND mà Nhóm Công ty sẽ phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm thời hạn mười hai (12) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương ("Vietcombank"). Số tiền đặt cọc và tiền lãi phát sinh sẽ được căn trừ tương ứng 10% giá trị nghiệm thu theo các hợp đồng thi công lắp đặt giữa Nhóm Công ty, Vingroup và Tân Liên Phát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	26.381.738.847	75.393.305.063	(94.112.667.912)	7.662.375.998
Khác	3.405.933.081	15.233.493	(80.504.372)	3.340.662.202
TỔNG CỘNG	<u>29.787.671.928</u>	<u>75.408.538.556</u>	<u>(94.193.172.284)</u>	<u>11.003.038.200</u>
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.345.460.211	-	(394.048.867)	7.951.411.344
Thuế giá trị gia tăng	10.268.196.813	89.834.897.761	(87.116.926.260)	12.986.168.314
Thuế thu nhập cá nhân	4.137.623.518	5.500.474.871	(5.591.816.894)	4.046.281.495
Khác	730.385.113	113.489.062	(136.004.169)	707.870.006
TỔNG CỘNG	<u>23.481.665.655</u>	<u>95.448.861.694</u>	<u>(93.238.796.190)</u>	<u>25.691.731.159</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay và lãi đặt cọc	173.196.290.460	236.176.406.575
Chi phí xây dựng	32.573.869.839	59.331.511.273
Chi phí thuế	9.633.510.645	-
Chi phí lương thưởng	9.500.000.000	9.894.496.000
Khác	6.460.910.306	5.240.374.182
TỔNG CỘNG	<u>231.364.581.250</u>	<u>310.642.788.030</u>

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu nhập phát sinh từ việc đánh giá quyền phát triển rừng để góp vốn vào công ty liên doanh (*)	23.360.927.233	25.187.188.645
Doanh thu chưa thực hiện đối với phần lợi nhuận mà Nhóm Công ty bán hàng tồn kho cho công ty liên doanh	1.434.014.240	-
TỔNG CỘNG	<u>24.794.941.473</u>	<u>25.187.188.645</u>

(*) Đây là khoản thu nhập phát sinh từ việc đánh giá quyền phát triển rừng để góp vốn vào Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI ("OJI") theo Hợp đồng Liên doanh ký ngày 16 tháng 5 năm 2010 và phụ lục điều chỉnh có giá trị là 3.408.600 USD, tương đương 71.618.094.600 VND. Khoản thu nhập này được ghi nhận vào khoản mục "Doanh thu chưa thực hiện" tương ứng với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong OJI theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính của quyền phát triển rừng là hai mươi (20) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Lãi chậm nộp	28.845.436.487	27.947.257.809
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	6.763.457.439	13.304.805.627
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	421.974.776	953.324.776
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.009.644.380
Phải trả khác	6.858.767.426	9.911.009.628
	<u>42.889.636.128</u>	<u>53.126.042.220</u>
Dài hạn		
Khoản phải trả liên quan đến việc sử dụng tài sản để cầm trừ nợ vay (*)	342.445.500.407	-
TỔNG CỘNG	<u>385.335.136.535</u>	<u>53.126.042.220</u>

(*) Vào ngày 29 tháng 9 năm 2018, Nhóm Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á ("Việt Á Bank") đã ký kết các Thỏa thuận nhận tài sản đảm bảo để thay thế một phần nghĩa vụ nợ số 01/2018/VBTT-VAB-TTF, 02/2018/VBTT-VAB-TTF, và 03/2018/VBTT-VAB-TTF (sau đây được gọi chung là "Thỏa thuận"). Theo đó, Nhóm Công ty đồng ý sử dụng các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các GCNQSDĐ (sau đây được gọi chung là "Tài sản cầm trừ") có giá trị còn lại tại ngày 29 tháng 9 năm 2018 với số tiền lần lượt là 159.485.234.090 VND (*Thuyết minh số 13*) và 66.170.554.636 VND (*Thuyết minh số 16*) để cầm trừ các khoản nợ gốc vay và lãi vay phải trả với số tiền lần lượt là 252.590.320.033 VND (*Thuyết minh số 23*) và 89.855.180.374 VND. Theo đó, Nhóm Công ty đã phát sinh khoản chênh lệch từ việc sử dụng tài sản để cầm trừ với số tiền là 116.789.711.681 VND. Ngoài ra, cũng theo Thỏa thuận này, Nhóm Công ty có quyền mua lại Tài sản cầm trừ trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày ký kết Thỏa thuận. Giá mua lại là giá thỏa thuận thực hiện cầm trừ nợ. Cũng theo Thỏa thuận này, Nhóm Công ty có quyền gia hạn thời hạn mua lại Tài sản cầm trừ tối đa không quá hai (2) lần, mỗi lần không quá mười hai (12) tháng.

Đồng thời, vào ngày 1 tháng 10 năm 2018, Nhóm Công ty và Việt Á Bank đã ký kết các Hợp đồng thuê tài sản số 01/2018/VAB-TTF và 02/2018/VAB-TTF (sau đây được gọi là "Hợp đồng thuê lại"). Theo đó, Nhóm Công ty đã thuê lại toàn bộ Tài sản cầm trừ từ Việt Á Bank trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng thuê lại này. Cũng theo Hợp đồng thuê lại này, Nhóm Công ty có quyền gia hạn thêm thời gian thuê tối đa hai (2) lần, mỗi lần không quá mười hai (12) tháng.

Dựa trên các thông tin đã đề cập, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ban Giám đốc Nhóm Công ty đã phân loại lại các tài sản này vào khoản mục tài sản dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với giá trị là 225.655.788.726 VND. Đồng thời, Ban Giám đốc Nhóm Công ty đã ghi nhận một khoản phải trả dài hạn khác liên quan đến việc sử dụng tài sản để cầm trừ nợ vay với số tiền là 342.445.500.407 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi thời hạn mua lại kết thúc hoặc khi có các văn bản khác thay thế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	<u>137.868.155.322</u>	<u>396.058.475.355</u>
Vay dài hạn		
Vay cá nhân (Thuyết minh số 23.2)	<u>362.853.767.131</u>	<u>500.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>500.721.922.453</u>	<u>896.058.475.355</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	396.058.475.355	500.000.000.000	896.058.475.355
Cán trừ nợ vay	(252.590.320.033)	-	(252.590.320.033)
Giảm một phần nợ vay	-	(137.146.232.869)	(137.146.232.869)
Trả gốc vay	<u>(5.600.000.000)</u>	-	<u>(5.600.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>137.868.155.322</u>	<u>362.853.767.131</u>	<u>500.721.922.453</u>

23.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á, Chi nhánh Bình Dương ("Đông Á, CN Bình Dương")	123.292.700.000	124.292.700.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Buôn Ma Thuột ("Agribank, CN BMT")	7.200.000.000	10.500.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Đắk Lắk – Đắk Nông ("VDB, CN Đắk Lắk – Đắk Nông")	7.375.455.322	8.675.455.322
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á, Chi nhánh Bình Dương	-	149.310.079.209
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á, Chi nhánh Thành phố Buôn Ma Thuột	-	103.280.240.824
TỔNG CỘNG	<u>137.868.155.322</u>	<u>396.058.475.355</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Đông Á, CN Bình Dương				
Hợp đồng số H0367/1N ngày 25 tháng 6 năm 2015	123.292.700.000	Từ ngày 27 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 9 năm 2016	8,5	12.859 m ³ gỗ nguyên liệu các loại và thành phẩm của Nhóm Công ty
Agribank, CN BMT				
Hợp đồng số LAV201101190 ngày 20 tháng 12 năm 2011	7.200.000.000	Từ ngày 17 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	10,5	Gỗ nguyên liệu các loại của Công ty Cổ phần Trường Thành, công ty con của Nhóm Công ty
VDB, CN Đắk Lắk – Đắk Nông				
Hợp đồng số 102/2010/HĐTDXK-NHPTPC ngày 28 tháng 12 năm 2010	2.474.680.000	Từ ngày 2 tháng 11 năm 2011 đến ngày 25 tháng 11 năm 2011	11	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành, công ty con của Nhóm Công ty
Hợp đồng số 03/2011/HĐTDXK-NHPTPC ngày 4 tháng 4 năm 2011	3.000.000.000	Từ ngày 30 tháng 11 năm 2011 đến ngày 21 tháng 12 năm 2011	11	
Hợp đồng số 12/2011/HĐTDXK-NHPT-ĐL-ĐN ngày 24 tháng 8 năm 2011	1.900.775.322	Ngày 27 tháng 3 năm 2012	11	
Tổng cộng VDB	7.375.455.322			
TỔNG CỘNG	137.868.155.322			

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Vay cá nhân dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ cá nhân được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ông Bùi Hồng Minh				
Hợp đồng số 01/2016/HĐV/TTF-BHM ngày 22 tháng 12 năm 2016 và các phụ lục điều chỉnh sau đó (*)	<u>362.853.767.131</u>	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau của Vietcombank (2018: 6,5)	Tin chấp

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ông Bùi Hồng Minh và Nhóm Công ty đã ký kết Thỏa thuận miễn lãi vay và giảm một phần nợ gốc khoản vay số 31/12/2018/TT/TTF-BHM. Theo đó, Ông Bùi Hồng Minh đã đồng ý giảm một phần nợ vay trị giá 137.146.232.869 VND (Thuyết minh số 29) và miễn toàn bộ lãi vay phát sinh đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 62.853.767.131 VND.

23.3 Các khoản vay quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm Nợ gốc	VND Số đầu năm Nợ gốc
Đông Á, CN Bình Dương	123.292.700.000	124.292.700.000
Agribank, CN BMT	7.200.000.000	10.500.000.000
VDB, CN Đắk Lắk – Đắk Nông	7.375.455.322	8.675.455.322
Việt Á, CN Bình Dương	-	149.310.079.209
Việt Á, CN BMT	-	103.280.240.824
TỔNG CỘNG	<u>137.868.155.322</u>	<u>396.058.475.355</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước:							
Số đầu năm	1.446.078.400.000	63.750.862.467	(552.965.000)	17.170.909.622	8.963.110	(1.417.618.019.750)	108.838.150.449
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	10.736.621.410	10.736.621.410
Phát hành cổ phiếu	700.000.000.000	(143.000.000)	-	-	-	-	699.857.000.000
Số cuối năm	<u>2.146.078.400.000</u>	<u>63.607.862.467</u>	<u>(552.965.000)</u>	<u>17.170.909.622</u>	<u>8.963.110</u>	<u>(1.406.881.398.340)</u>	<u>819.431.771.859</u>
Năm nay:							
Số đầu năm	2.146.078.400.000	63.607.862.467	(552.965.000)	17.170.909.622	8.963.110	(1.406.881.398.340)	819.431.771.859
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(715.161.995.152)	(715.161.995.152)
Số cuối năm	<u>2.146.078.400.000</u>	<u>63.607.862.467</u>	<u>(552.965.000)</u>	<u>17.170.909.622</u>	<u>8.963.110</u>	<u>(2.122.043.393.492)</u>	<u>104.269.776.707</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	214.607.840	214.607.840
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(15.815)	(15.815)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	214.592.025	214.592.025

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	2.146.078.400.000	1.446.078.400.000
Phát hành cổ phiếu	-	700.000.000.000
Số cuối năm	<u>2.146.078.400.000</u>	<u>2.146.078.400.000</u>

24.4 (Lỗ) lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính (lỗ) lãi cơ bản và (lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	(715.161.995.152)	10.736.621.410
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	<u>214.592.025</u>	<u>146.509.833</u>
(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(3.333)	73
(Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	(3.333)	73

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND
	Số tiền
Số đầu năm	8.579.739.113
Lỗ thuần trong năm	(89.538.217.874)
Giảm do giải thể các công ty con	<u>(3.629.946.436)</u>
Số cuối năm	<u><u>(84.588.425.197)</u></u>

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng thi công, lắp đặt	689.906.289.877	1.071.593.261.272
Doanh thu bán nguyên liệu, thành phẩm và hàng hóa	286.803.996.381	246.899.202.227
Doanh thu bán rừng	40.265.350.000	39.529.116.830
Doanh thu bán bất động sản	22.000.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.459.483.275	4.342.833.202
Doanh thu khác	2.514.440.815	1.034.514.570
TỔNG CỘNG	<u>1.044.949.560.348</u>	<u>1.363.398.928.101</u>

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	10.403.304.477	5.581.530.136
Lãi từ giải thể công ty con	3.600.304.710	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.773.364.001	900.479.722
Lãi thanh lý khoản đầu tư	1.795.390.711	-
Khác	-	15.433.550
TỔNG CỘNG	<u>17.572.363.899</u>	<u>6.497.443.408</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn nguyên liệu, thành phẩm và hàng hóa	651.266.559.333	232.588.080.750
Giá vốn các hợp đồng thi công, lắp đặt	462.706.194.816	851.333.511.830
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	260.163.909.889	1.963.229.316
Giá vốn rừng	46.000.044.013	-
Giá vốn bất động sản	33.500.000.000	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	4.784.581.486	1.432.540.047
TỔNG CỘNG	<u>1.458.421.289.537</u>	<u>1.087.317.361.943</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	85.462.172.900	129.952.729.394
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	15.130.520.254	2.307.482.605
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	4.266.850.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	383.849.354	1.699.449.555
Khác	866.667.975	415.104.003
TỔNG CỘNG	<u>106.110.060.483</u>	<u>134.374.765.557</u>

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.619.096.379	6.880.680.039
Chi phí nhân viên	6.967.287.750	3.916.532.395
Chi phí khấu hao TSCĐ	185.120.263	140.448.732
Chi phí khác	2.866.618.467	1.704.253.871
	<u>20.638.122.859</u>	<u>12.641.915.037</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Dự phòng phải thu khó đòi	292.617.728.811	11.437.102.298
Chi phí nhân viên	83.931.042.977	73.045.292.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.823.168.311	15.490.484.031
Công cụ, dụng cụ	4.832.330.998	7.060.904.604
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.282.249.018	3.886.583.406
Chi phí khác	17.500.757.813	8.693.889.654
	<u>429.987.277.928</u>	<u>119.614.256.637</u>
TỔNG CỘNG	<u>450.625.400.787</u>	<u>132.256.171.674</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập khác		
Thu nhập từ nợ gốc được xóa (i)	137.146.232.869	-
Lãi phân bổ từ góp vốn vào công ty liên doanh bằng tài sản cố định	1.826.261.412	1.826.261.412
Thanh lý tài sản	1.000.011.661	1.212.727.273
Khác	16.675.604.369	6.025.436.177
	<u>156.648.110.311</u>	<u>9.064.424.862</u>
Chi phí khác		
Xóa sổ tài sản cố định	(2.662.555.814)	(2.270.843.667)
Chi phí phạt	(4.575.558.143)	(14.964.084.988)
Thanh lý tài sản	-	(697.136.620)
Khác	(3.933.827.921)	(5.687.927.465)
	<u>(11.171.941.878)</u>	<u>(23.619.992.740)</u>
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>145.476.168.433</u>	<u>(14.555.567.878)</u>

(i) Như được trình bày ở Thuyết minh số 23.2, Ông Bùi Hồng Minh đã đồng ý giảm một phần nợ gốc trị giá 137.146.232.869 VND cho Nhóm Công ty. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản nợ gốc vay được giảm này vào khoản mục thu nhập khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí dự phòng	552.781.638.700	13.400.331.614
Chi phí nguyên vật liệu	876.766.416.478	584.057.922.513
Chi phí nhân viên	310.373.572.752	295.554.069.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.297.638.859	99.044.050.981
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	42.268.781.812	44.533.438.853
Chi phí khác	29.191.346.777	12.945.247.207
TỔNG CỘNG	<u>1.916.679.395.378</u>	<u>1.049.535.060.694</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con như sau:

- Thuế suất thuế TNDN của Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.
- Công ty Cổ phần Nông Lâm Công nghiệp Trường An ("Trường An"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 10% lợi nhuận chịu thuế trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, và chịu thuế suất thông dụng theo quy định hiện hành trong những năm tiếp theo. Trường An được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Trường Thành ("CP Trường Thành"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 10% lợi nhuận chịu thuế trong mười lăm (15) năm kể từ ngày bắt đầu đi vào hoạt động, và chịu thuế suất thông dụng theo quy định hiện hành trong những năm tiếp theo. CP Trường Thành được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành - Phước An ("Trường Thành - Phước An"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 10% lợi nhuận chịu thuế trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, và chịu thuế suất thông dụng theo quy định hiện hành trong những năm tiếp theo. Trường Thành - Phước An được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành ("CBG Trường Thành"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 10% lợi nhuận chịu thuế trong mười lăm (15) năm kể từ ngày bắt đầu đi vào hoạt động, và chịu thuế suất thông dụng theo quy định hiện hành trong những năm tiếp theo. CBG Trường Thành được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh ("Trường Thành Xanh"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 10% lợi nhuận chịu thuế trong mười lăm (15) năm kể từ ngày bắt đầu đi vào hoạt động, và chịu thuế suất thông dụng theo quy định hiện hành trong những năm tiếp theo. Trường Thành Xanh được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành ("Lâm nghiệp Trường Thành"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 10% lợi nhuận chịu thuế trong mười lăm (15) năm kể từ ngày bắt đầu đi vào hoạt động, và chịu thuế suất thông dụng theo quy định hiện hành trong những năm tiếp theo. Lâm nghiệp Trường Thành được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'đrắk ("Trường Thành M'đrắk"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 10% lợi nhuận chịu thuế trong mười lăm (15) năm kể từ ngày bắt đầu đi vào hoạt động, và chịu thuế suất thông dụng theo quy định hiện hành trong những năm tiếp theo. Trường Thành M'đrắk được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.
- Thuế suất thuế TNDN của các công ty con khác là 20% lợi nhuận chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	125.438.084

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(804.700.213.026)	2.469.733.569
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(160.940.042.605)	493.946.714
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ do giải thể công ty con	(12.716.199.773)	-
Chi phí không được trừ	18.177.970.811	4.345.185.836
Chi phí lãi vay	21.907.560.020	22.801.936.879
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	(491.689.020)	(215.445.822)
Thay đổi dự phòng đầu tư	853.370.000	-
Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho	52.032.781.978	387.308.962
Thay đổi dự phòng nợ phải thu khó đòi	63.866.304.591	1.253.855.846
Lợi nhuận chưa thực hiện	(7.973.088.431)	(2.306.043.759)
Lỗ chuyển sang năm sau không ghi nhận thuế hoãn lại	29.315.198.206	2.609.333.828
(Lỗ) lãi do thanh lý công ty con, công ty liên kết ở báo cáo tài chính hợp nhất	(1.027.974.091)	210.067.921
Lỗ năm trước chuyển sang	(21.453.097)	(36.294.790.288)
Thuế TNDN được miễn, giảm	(393.434.917)	(2.028.873.634)
Khác	(2.589.303.672)	8.868.955.601
Chi phí thuế TNDN	-	125.438.084

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận (lỗ) được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau đây do Nhóm Công ty không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm:

Các chênh lệch tạm thời

	VND
	Số tiền
Dự phòng phải thu khó đòi	581.800.845.126
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	341.766.397.239
Lợi nhuận chưa thực hiện	24.794.941.473
Dự phòng suy giảm giá trị đầu tư	4.266.850.000
Trợ cấp thôi việc phải trả	1.486.893.500
TỔNG CỘNG	<u>954.115.927.338</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần đảm bảo và dự kiến sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho vay	-	3.060.000.000
		Lãi cho vay	2.821.338.536	2.315.511.286
		Cho thuê mặt bằng	180.000.000	180.000.000
		Chuyển nhượng QSDĐ	5.512.344.030	-
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết (đến ngày 15 tháng 5 năm 2018)	Cho vay	500.000.000	5.726.832.500
		Lãi cho vay	-	925.129.590
		Mua tài sản cố định	-	818.181.818
		Cung cấp dịch vụ	-	114.781.818
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Mua nguyên liệu	-	179.048.173
Công ty TNHH Địa ốc Hưng Lợi	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	-	1.379.203.851
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết (đến ngày 2 tháng 3 năm 2018)	Trả lãi	-	664.574.237
		Cho vay	-	100.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
				<i>VND</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Địa ốc Hưng Lợi	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	21.673.875	-
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Bán hàng	-	1.830.894.550
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết (đến ngày 15 tháng 5 năm 2018)	Bán hàng	-	967.519.134
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Thuê văn phòng	16.500.000	16.500.000
			38.173.875	2.814.913.684
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết (đến ngày 15 tháng 5 năm 2018)	Cho vay	-	10.482.260.265
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho vay	-	1.530.615.000
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết (đến ngày 2 tháng 3 năm 2018)	Cho vay	-	100.000.000
			-	12.112.875.265
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>				
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho vay	38.312.802.000	35.800.137.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết (đến ngày 15 tháng 5 năm 2018)	Lãi cho vay Chi hộ	-	1.002.099.652
			-	61.955.100
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Lãi cho vay Chi hộ	770.737.668	286.968.836
			6.091.078.433	55.876.455
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Chi hộ	57.260.211	51.955.100
			6.919.076.312	1.458.855.143

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Mua hàng	6.680.046.840	6.347.368.342
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Mua hàng	1.730.935.076	1.830.935.076
Công ty TNHH Địa ốc Hưng Lợi	Bên liên quan	Mua hàng	21.673.875	585.390.296
			<u>8.432.655.791</u>	<u>8.763.693.714</u>

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thù lao	<u>8.162.225.000</u>	<u>8.447.943.511</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê một số văn phòng, máy móc thiết bị, mặt bằng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	28.515.331.723	670.544.800
Từ 1 đến 5 năm	75.716.114.765	2.324.449.637
Trên 5 năm	2.640.317.611	3.310.862.411
TỔNG CỘNG	<u>106.871.764.099</u>	<u>6.305.856.848</u>

Cam kết khác

Ngày 22 tháng 10 năm 2008, Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành ("TTC"), công ty con của Nhóm Công ty, ký kết hợp đồng liên kết số 01/TTC-BQLM'ĐRAK với Ban Quản lý Dự án Rừng Phòng hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA Núi Vọng Phu") với nội dung BQLDA Núi Vọng Phu sẽ đưa diện tích đất trồng rừng vào liên kết ("dự án liên kết") bao gồm nhưng không giới hạn 730,4 ha, trong đó diện tích được sử dụng để trồng rừng là 664 ha và diện tích các công trình phụ là 66,4 ha (được giao khoán cho các hộ dân trồng theo chương trình 661 từ năm 2000 đến năm 2005) thuộc các tiểu khu 790, 786, 781, 759, 782 và 762 nằm trên địa bàn hành chính của 4 xã: Cư M'ta, Ea Trang, Ea M'Đoan và Cư Króa huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. BQLDA Núi Vọng Phu sẽ đưa diện tích này vào liên kết trồng rừng với TTC, cụ thể là: năm 2008 liên kết trồng mới 143,1 ha, năm 2010 liên kết trồng mới 104,1 ha, năm 2011 liên kết trồng mới 177,9 ha, năm 2012 liên kết trồng mới 139,8 ha và năm 2013 liên kết trồng mới 99,1 ha. Suất đầu tư là 15.369.000 VND/ha/chu kỳ (chu kỳ: tùy từng chủng loại của cây trồng và đối với cây keo lai giảm hom là từ mười (10) đến mười hai (12) năm), trong đó BQLDA Núi Vọng Phu sẽ góp không quá 20% tổng suất đầu tư chu kỳ đầu tiên không tính lãi từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, những chu kỳ tiếp theo BQLDA Núi Vọng Phu sẽ sử dụng lợi nhuận thu được từ dự án liên kết để tiếp tục đầu tư với tỷ lệ góp như ban đầu và TTC sẽ góp số tiền còn lại theo tổng suất đầu tư cho dự án liên kết không tính lãi. TTC chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức, triển khai các hộ dân thực hiện việc trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng được chi tiết cụ thể thông qua hợp đồng giao khoán. Lợi nhuận từ dự án liên kết trồng cây keo lai giảm hom (tiền hoặc sản phẩm) sẽ được phân chia theo nguyên tắc: BQLDA Núi Vọng Phu: 10%, người dân: 35%, và 55% lợi nhuận còn lại sẽ được TTC và BQLDA Núi Vọng Phu chia theo tỷ lệ góp vốn và lợi nhuận từ dự án liên kết trồng cây kinh tế khác sẽ được thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng, nhưng TTC không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu ở trên. Hợp đồng liên kết này có thời hạn trong vòng năm mươi (50) năm và không bị chấm dứt trước thời hạn bởi bất kỳ lý do gì, trừ khi các bên đã thực hiện và hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết khác (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 10 năm 2008, TTC ký kết hợp đồng liên kết số 02/TTC-M'ĐRAK với BQLDA Núi Vọng Phu với nội dung BQLDA Núi Vọng Phu sẽ đưa diện tích đất trồng rừng vào liên kết ("dự án liên kết") bao gồm nhưng không giới hạn 1.000 ha rừng phòng hộ và 1.200 ha rừng sản xuất. Suất đầu tư là 26.000.000 VND/ha/chu kỳ (chu kỳ: tùy từng chủng loại của cây trồng và đối với cây keo lai giảm hom là từ mười (10) đến mười hai (12) năm) trong đó BQLDA Núi Vọng Phu sẽ góp không quá 10% tổng suất đầu tư chu kỳ đầu tiên, những chu kỳ tiếp theo BQLDA Núi Vọng Phu sẽ sử dụng lợi nhuận thu được từ dự án liên kết để tiếp tục đầu tư với tỷ lệ góp như ban đầu và TTC sẽ góp số tiền còn lại theo tổng suất đầu tư cho dự án liên kết không tính lãi. Lợi nhuận từ dự án liên kết trồng cây keo lai giảm hom (tiền hoặc sản phẩm) sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA Núi Vọng Phu: 10%, và 90% lợi nhuận còn lại sẽ được TTC và BQLDA Núi Vọng Phu chia theo tỷ lệ góp vốn và lợi nhuận từ dự án liên kết trồng cây kinh tế khác sẽ được thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng TTC không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu ở trên. Hợp đồng liên kết này có thời hạn trong vòng 50 năm và không bị chấm dứt trước thời hạn bởi bất kỳ lý do gì, trừ khi các bên đã thực hiện và hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

Ngày 22 tháng 10 năm 2008, TTC ký kết hợp đồng liên kết số 03/TTC-CTLNM'ĐRAK với Công ty Lâm nghiệp M'ĐRAK ("LN M'ĐRAK") với nội dung LN M'ĐRAK sẽ đưa diện tích đất trồng rừng vào liên kết ("dự án liên kết") bao gồm nhưng không giới hạn 600 ha rừng phòng hộ thuộc hai tiểu khu 797 và 802 trên địa bàn hành chính xã Ea Trang, huyện M'ĐRAK, tỉnh Đắk Lắk. Suất đầu tư là 26.000.000 VND/ha/chu kỳ (chu kỳ: tùy từng chủng loại của cây trồng và đối với cây keo lai giảm hom là từ mười (10) đến mười hai (12) năm) và TTC sẽ góp toàn bộ suất đầu tư cho dự án liên kết không tính lãi. Doanh thu từ dự án liên kết trồng cây keo lai giảm hom (tiền hoặc sản phẩm) sẽ được phân chia theo nguyên tắc LN M'ĐRAK: 10%, và TTC: 90% và doanh thu từ dự án liên kết trồng cây kinh tế khác sẽ được thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng TTC không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu ở trên. Hợp đồng liên kết này có thời hạn trong vòng bốn mươi tám (48) năm và không bị chấm dứt trước thời hạn bởi bất kỳ lý do gì, trừ khi các bên đã thực hiện và hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

34. THÔNG TIN BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Chế biến gỗ; và
- Trồng rừng

Quản lý giám sát các kết quả hoạt động của các đơn vị kinh doanh riêng cho các mục đích của việc ra quyết định về việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hiệu suất. Thực hiện phân khúc được đánh giá dựa trên lợi nhuận hoặc lỗ mà ở khía cạnh nào đó, như được giải thích trong bảng dưới đây, được đo lường khác từ lợi nhuận hoạt động hoặc lỗ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Chế biến gỗ	Trồng rừng	Khác	Loại trừ	VND Tổng cộng
Doanh thu				-	1.044.949.560.348
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	982.684.210.348	40.265.350.000	22.000.000.000	-	-
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	2.789.450.000	-	(2.789.450.000)	-
Tổng doanh thu	982.684.210.348	43.054.800.000	22.000.000.000	(2.789.450.000)	1.044.949.560.348
Kết quả					
Lỗ từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	(835.656.329.737)	(16.611.948.079)	(11.828.852.160)	-	(864.097.129.976)
Doanh thu hoạt động tài chính					17.572.363.899
Chi phí tài chính					(106.110.060.483)
Thu nhập khác					156.648.110.311
Chi phí khác					(11.171.941.878)
Phần lãi trong công ty liên kết					2.458.445.101
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Lỗ sau thuế					(804.700.213.026)
Tài sản và nợ phải trả					
Tài sản bộ phận	2.514.782.268.250	265.403.175.297	-	-	2.780.185.443.547
Tổng tài sản					2.780.185.443.547
Nợ phải trả bộ phận	2.701.847.677.532	58.624.679.251	-	-	2.760.472.356.783
Tổng nợ phải trả					2.760.472.356.783

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Chế biến gỗ	Trồng rừng	Loại trừ	VND Tổng cộng
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.323.869.811.271	39.529.116.830	-	1.363.398.928.101
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	114.500.000	(114.500.000)	-
Tổng doanh thu	1.323.869.811.271	39.643.616.830	(114.500.000)	1.363.398.928.101
Kết quả				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	130.368.579.692	13.456.814.792	-	143.825.394.484
Doanh thu hoạt động tài chính				6.497.443.408
Chi phí tài chính				(134.374.765.557)
Thu nhập khác				9.064.424.862
Chi phí khác				(23.619.992.740)
Phần lãi trong công ty liên kết				1.077.229.112
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(125.438.084)
Lợi nhuận sau thuế				2.344.295.485
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản bộ phận	3.748.692.103.996	417.793.126.341	-	4.166.485.230.337
Tổng tài sản				4.166.485.230.337
Nợ phải trả bộ phận	3.278.435.683.430	60.006.300.681	-	3.338.441.984.111
Tổng nợ phải trả				3.338.441.984.111

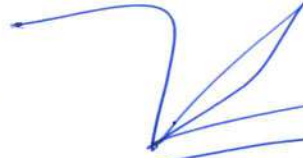
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Huỳnh Thị Mộng Diễm
Người lập



Mai Thanh Bình
Kế toán trưởng



Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

